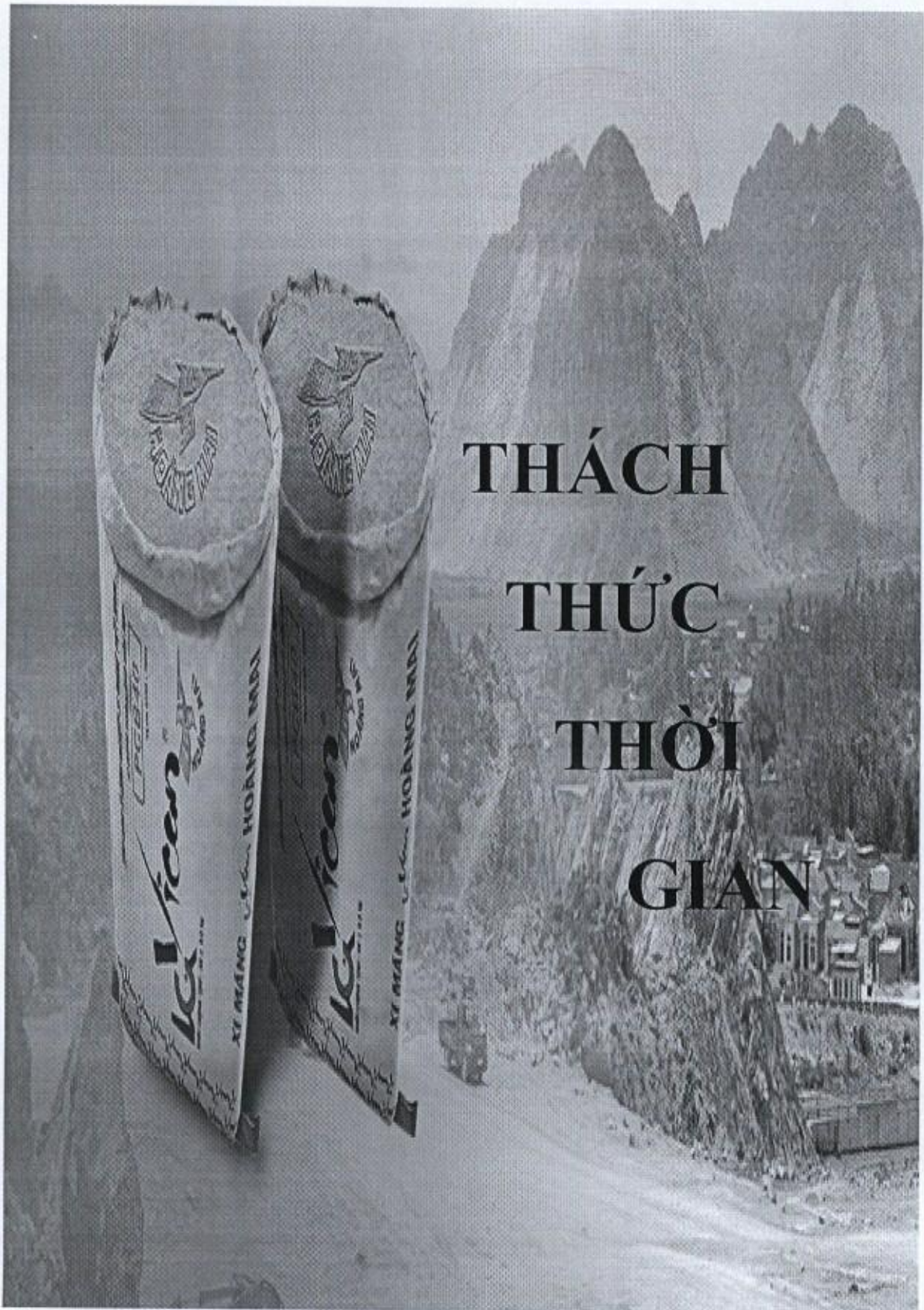


**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2015**





## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 08 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08 tháng 07 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 12 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 06 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 720.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: (84-38) 3 866 170
- Số fax: (84-38) 3 866 648
- Website: [www.ximanghoangmai.vn](http://www.ximanghoangmai.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): HOM

Trụ sở công ty CP xi măng Hoàng Mai



Toàn cảnh nhà máy XM Vicem Hoàng Mai



- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai tiền thân là Công ty Xi măng Nghệ An (trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An) được thành lập theo Quyết định số 2629/QĐ.UB ngày 07/10/1995 của UBND tỉnh Nghệ An. Công ty được hình thành để làm chủ đầu tư Dự án xi măng Hoàng Mai được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 15/4/1996. Nhà máy xi măng có công suất 1,4 triệu tấn xi măng/năm với tổng mức đầu tư 238 triệu USD từ nguồn vốn vay trong và ngoài nước.

Ngày 09/06/1999, Dự án xi măng Hoàng Mai tiến hành khởi công đồng loạt các hạng mục công trình chính thuộc dây chuyền sản xuất và sau 32 tháng khởi công xây dựng, ngày 6/3/2002, Nhà máy đã cho ra những tấn clinker đầu tiên đạt chất lượng tốt. Xi măng Hoàng Mai là một trong số ít các nhà máy xi măng tại Việt Nam mà quá trình sản xuất ngay từ đầu đã cho ra những tấn clinker tốt nhất, không có phế liệu trong quá trình hiệu chỉnh, nghiệm thu chạy thử nhà máy.

Trước những đòi hỏi về nhu cầu nhân lực nhằm đáp ứng quá trình vận hành nhà máy và công tác sản xuất kinh doanh lâu dài, được sự chấp thuận của Chính phủ tại văn bản số 954/CP-ĐMDN ngày 18/10/2000, UBND Tỉnh Nghệ An và Tổng công ty Xi măng Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp XM Việt Nam) đã ký Biên bản bàn giao Công ty Xi măng Nghệ An thuộc UBND tỉnh Nghệ An trở thành thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam và đổi tên là Công ty Xi măng Hoàng Mai.

Từ ngày 01/07/2002, sau quá trình sản xuất thử, Công ty Xi măng Hoàng Mai chính thức đi vào hoạt động với dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại, các thiết bị được cung cấp bởi Tây Âu và khối G7. Nhà máy có lò nung với công suất 4.000 tấn clinker/ngày đốt 100% bằng than Antraxit tiết kiệm nhiên liệu và mang lại hiệu quả kinh tế cao; phương thức kinh doanh áp dụng mô hình bán hàng thông qua hệ thống nhà phân phối chính.

Ngày 09/03/2007 Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam.

Ngày 30/11/2007 Công ty Xi măng Hoàng Mai đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 27/02/2008 Hội đồng quản trị Tổng Công ty Công nghiệp XM Việt Nam ban hành Quyết định số: 219/QĐ-XMVN vv điều chỉnh phương án cổ phần hoá

và chuyển Công ty Xi măng Hoàng Mai thành Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai.

Ngày 01/04/2008 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 720 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm tỷ lệ 70,96% tương đương 510,918 tỷ đồng.

Ngày 09/07/2009 Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai chính thức niêm yết 72.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HOM.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đã được thông qua, ngày 18/08/2011 Công ty đã thay đổi tên thành Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai.

### **MỘT SỐ GIẢI THƯỞNG CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC**

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ tiềm năng và hội nhập tỉnh Bình Định 2002 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 18/01/2002.

Huy chương Vàng gian hàng Hội chợ Quốc tế hàng công nghiệp Việt nam 2002 do Thứ trưởng Bộ KH và CN cấp ngày 22/10/2002.

Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế hàng hoá có nhãn hiệu được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại HCTL quốc tế VIETBUILD 2003 do Ban tổ chức hội chợ trao tặng.

Huy chương Vàng sản phẩm xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB 30 tại Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 2003 do Bộ KH&CN cấp ngày 22/10/2003.

Huy chương Vàng cho sản phẩm tại Hội chợ triển lãm ngành xây dựng Việt Nam 2003 do Thứ trưởng Bộ xây dựng cấp ngày 30/4/2003.

Huy chương Vàng Hội chợ triển lãm VLXD tại TP HCM năm 2003 do Trung tâm tin học và Công ty cổ phần hội chợ triển lãm Quốc tế A.F.C cấp ngày 16/9/2003.

Huy chương Vàng Hội chợ Quốc tế năm 2004.

Huy chương Vàng Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ An lần thứ I năm 2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.

Cúp Vàng tại Hội chợ hàng chất lượng cao Nghệ an năm 2004 do Sở thương mại Nghệ An cấp ngày 08/6/2004.

Tháng 8 năm 2004 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn thuộc Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận phù hợp

tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 14001.

Huy chương vàng Dấu hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn và Cúp sen vàng cho sản phẩm xi măng Hoàng Mai được Bộ Công nghiệp trao tặng ngày 22/11/2004.

Bằng khen Hội chợ hàng hoá được bảo hộ năm 2003 do Cục sở hữu công nghiệp cấp ngày 02/5/2003.

Bằng khen tại Hội chợ hội nhập kinh tế Quốc tế năm 2004 do Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế cấp ngày 26/8/2004.

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2004 do UBND Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam trao tặng.

Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2004 do Bộ KH và CN trao tặng.

Cúp vàng Thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.

Huy chương vàng cho sản phẩm xi măng poóclăng hỗn hợp PCB 30, PBC 40 tại Hội chợ triển lãm VIETBUIL HANOI 2005.

Đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2005 do người tiêu dùng bình chọn do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức.

Ngày 21/09/2005 được của Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 27/09/2005 được Tổng cục ĐLCL - Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích trong hoạt động quản lý và xúc tiến chất lượng - Thập niên chất lượng 1996 - 2005.

Ngày 21 tháng 9 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 993/QĐ.TTg tặng bằng khen cho Cty XM Hoàng Mai vì đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 14/10/2005 Công ty xi măng Hoàng Mai là một trong năm doanh nghiệp trên cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen và Bộ Khoa học & Công nghệ trao tặng giải thưởng “Giải vàng chất lượng Việt Nam năm 2005”, trong tổng số 132 doanh nghiệp được tặng giải.

Với sự phấn đấu bền bỉ trong những năm qua, Công ty xi măng Hoàng Mai đã được Tỉnh ủy, HDND, UBND tỉnh Nghệ An; Bộ Xây dựng, Tổng công ty xi măng Việt Nam tặng nhiều cờ thưởng thi đua.

Kỷ niệm 15 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

Kỷ niệm 20 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Hai.

Trải qua 20 năm phát triển, Vicem Hoàng Mai đã khẳng định được niềm tin thương hiệu với một nền tảng vững chắc về tài chính, nguồn nhân lực. Sự thành công của chặng đường đã qua là động lực để Công ty không ngừng nỗ lực hướng tới tương lai, mở rộng sự phát triển.

### HÌNH ẢNH CÁC GIẢI THƯỞNG CỦA XI MĂNG HOÀNG MAI



## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh Xi măng, Clinker và Vật liệu xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh chính: Hoạt động sản xuất chính của công ty tiến hành tại Nhà máy Xi măng Hoàng Mai, đặt tại thị xã Hoàng Mai, Nghệ An. Hoạt động kinh doanh chính của công ty trải rộng khắp các tỉnh Bắc miền trung (Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh) thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các nhà phân phối và đại lý.

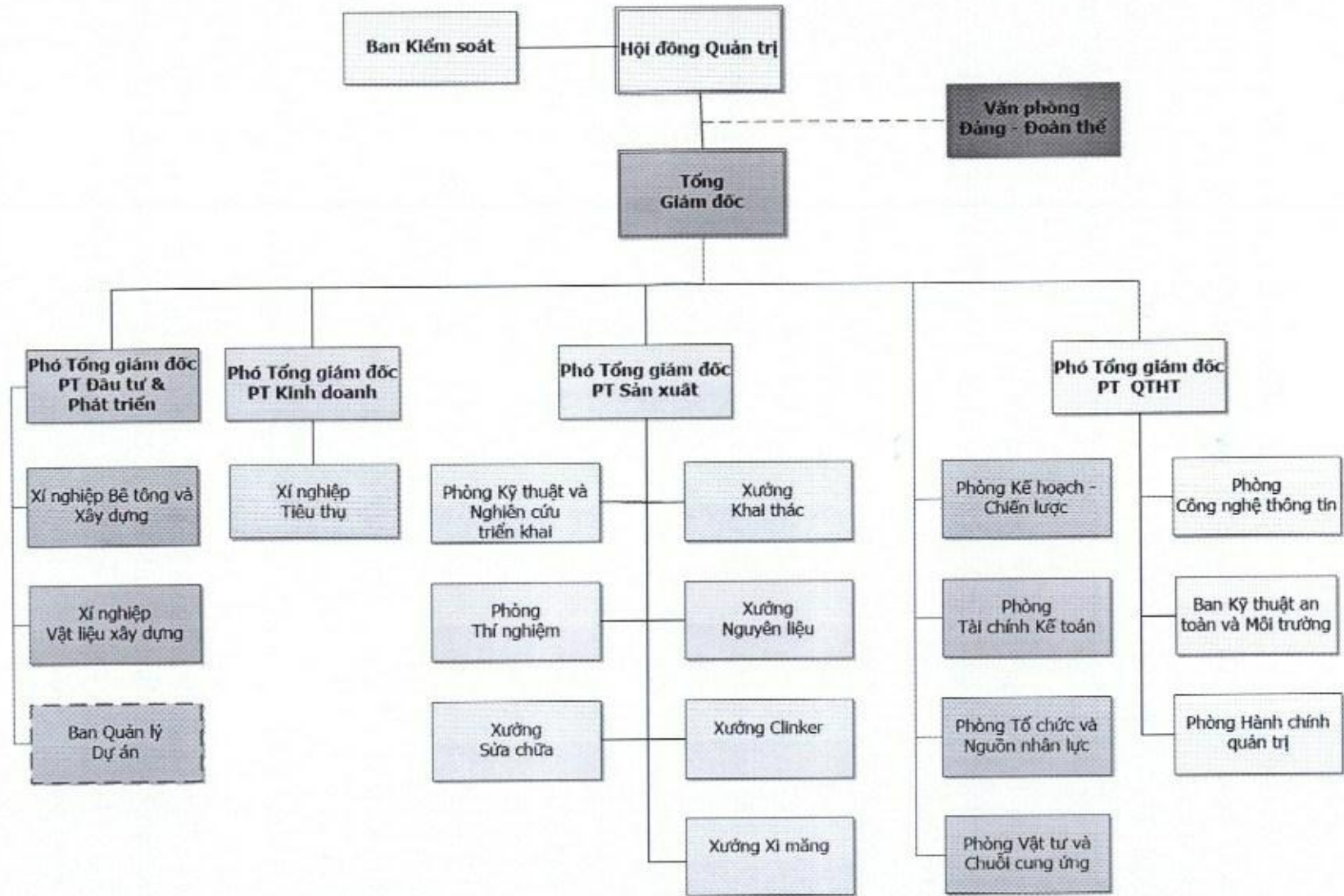
## *3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mô hình quản trị: Công ty là đơn vị thành viên của Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam – cổ đông nhà nước nắm giữ 70,96% vốn cổ phần của công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng ngàn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty tổ chức giám sát công việc theo mô hình ma trận mở; bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của cá nhân Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc khi thực thi nhiệm vụ được giao.





Sơ đồ tổ chức Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

**- Cơ cấu bộ máy quản lý:**

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để kỳ họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch, và 06 ủy viên, trong đó có Tổng giám đốc. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

**Ban kiểm soát:** Do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty; Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 4 thành viên.

**Bộ máy điều hành:** Đứng đầu bộ máy điều hành là Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như quản trị hệ thống; đầu tư và phát triển; sản xuất; kinh doanh.

Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo nhu cầu của thị trường, Công ty đã thành lập 18 phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc và 01 Văn phòng Đảng - đoàn thể, được phân chia theo chức năng gồm: 09 phòng ban, 5 phân xưởng, 03 xí nghiệp và 01 Ban Quản lý dự án. Các phòng, ban, xưởng khác nhau đều có mối quan hệ với nhau nhằm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các công việc để quá trình sản xuất kinh doanh được thông suốt.

**- Các Công ty con, công ty liên kết:** Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

#### 4. Định hướng phát triển

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã đạt được những thành quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Với quyết tâm không ngừng đổi mới, sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, xúc tiến hoạt động xuất khẩu xi măng sang thị trường nước ngoài,.. Trong giai đoạn từ năm 2016 – 2020, Công ty triển khai các định hướng và mục tiêu phát triển hướng đến đầu tư cho tương lai để mở rộng quy mô và trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về ngành công nghiệp xi măng, như sau:

\* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

##### - Về sản xuất

+ Đảm bảo chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu nhằm giữ vững uy tín thương hiệu. Để tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm, Công ty đặt mục tiêu tập trung đầu tư cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu suất hoạt động của hệ thống dây chuyền và thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.

+ Thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Công ty tăng cường công tác quản lý, theo dõi bảo dưỡng thiết bị để xử lý kịp thời những sự cố về cơ, điện, công nghệ trong dây chuyền sản xuất để đưa thiết bị trở lại hoạt động nhanh chóng, ổn định. Giám sát chặt chẽ phối liệu để giữ ổn định. Đảm bảo công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, tối ưu công tác phối liệu, công tác vận hành với mục tiêu duy trì lò nung hoạt động ổn định với chất lượng (min 55N/mm<sup>2</sup>), tiêu hao (820 kcal/kg clinker); Thực hiện tốt quy trình quy phạm quản lý chất lượng.

+ Tăng thời gian chạy lò tối thiểu 8 tháng liên tục trong năm với tổng thời gian chạy lò đạt tối thiểu 333 ngày/năm.

##### - Về tiêu thụ

+ Tiếp tục mở rộng độ phủ thị trường thông qua việc phát triển nhanh hệ thống nhà phân phối kết hợp với việc thực hiện hiệu quả công tác quản trị tại Công ty. Song song đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu, Công ty sẽ tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời tập trung nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chuẩn bị đón đầu xu thế hội nhập trong thời gian tới.

+ Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiêu thụ sản phẩm, tăng sản lượng tiêu thụ

trong khối dân sinh, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời tại các địa bàn chính.

+ Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó đề kịp thời đề xuất cơ chế giá bán khuyến mại linh hoạt, thực hiện các chương trình chăm sóc trực tiếp Nhà phân phối, cửa hàng VLXD: Chính sách khuyến mại, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức các chương trình tri ân khách hàng...Cải thiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hậu mãi...nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

+ Hoàn thiện chương trình gắn kết lâu dài với nhà phân phối chính và các cửa hàng vật liệu xây dựng. Xây dựng, ban hành cơ chế bán hàng phù hợp, kích thích, thúc đẩy các Nhà phân phối gia tăng sản lượng tiêu thụ.

+ Tiếp tục triển khai, đưa sản phẩm mới – Xi măng chuyên dụng xây trát C91 ra thị trường

+ Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

#### - Về đầu tư

+ Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đối với Dự án Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 nhằm gia tăng năng lực sản xuất, tăng cường khả năng cung ứng sản phẩm tại các thị trường.

+ Hoàn thiện các thủ tục cấp phép mỏ, đền bù, triển khai công tác thiết kế, thi công, khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3, đáp ứng nguyên liệu đá vôi cho sản xuất xi măng.

+ Chuẩn bị các điều kiện để triển khai khởi công trạm nghiền xi măng tại Khu Đông Hội; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án lắp đặt đường ống nước từ các trạm giếng khoan về nhà máy, dự án sửa chữa tháp trao đổi nhiệt và Dự án khoan, thăm dò trữ lượng mỏ tại Tân Thắng phục vụ nguyên liệu cho dây chuyền SX xi măng số 2.

+ Tiến hành đầu tư hạng mục tận dụng nhiệt khí thải để phát điện.

#### - Về an sinh xã hội

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị, không để xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động đáng tiếc trong năm 2016.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực của Công ty theo chuỗi giá trị thống nhất chung toàn VICEM.

+ Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế trả lương, thi đua, khen thưởng và các quy định khác liên quan đến chế độ chính sách của người lao động;

+ Đảm bảo 100% lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương năm 2016 cao hơn mức tiền lương năm 2015.

+ Đảm bảo tốt điều kiện làm việc, sinh hoạt và các chế độ liên quan đến người lao động như chế độ tiền lương, BHXH, chế độ ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật... vv.

+ Thực hiện tốt công tác vì cộng đồng, công tác từ thiện, nhân đạo góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về công tác an sinh xã hội.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tối ưu hóa năng lực sản xuất của dây chuyền công nghệ, áp dụng các công cụ tiên tiến trong quản lý sản xuất. Vận hành hiệu quả, ổn định để nâng cao sản lượng sản xuất, đảm bảo nguồn cung hàng, nhất là những tháng xây dựng cao điểm, kiểm soát sự tuân thủ quy trình công nghệ, sản xuất, để sản xuất ra sản phẩm xi măng ổn định chất lượng; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Lập và triển khai thực hiện công tác sửa chữa thiết bị đảm bảo chất lượng, tiến độ, đảm bảo thời gian huy động thiết bị cao nhất.

- Tận dụng nhiệt khí thải: Công ty phân đầu tổ chức nghiên cứu đầu tư, triển khai và xây dựng kế hoạch lắp đặt hệ thống thiết bị phát điện tận dụng nhiệt thừa khí thải ra của lò nung clinker để sản xuất, tự túc một phần điện năng và giảm tải ô nhiễm môi trường.

- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, bản khoản của khách hàng để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng ổn định và dịch vụ tốt nhất, thỏa mãn các yêu cầu của người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giảm thời gian dừng lò để sửa chữa nhằm đạt và vượt công suất thiết kế; Nâng cao chất lượng và mác xi măng, tối ưu tỷ lệ pha phụ gia, tro xỉ nhiệt điện, xỉ hạt lò cao... để giảm tỷ lệ clinker, giảm lượng khí thải CO, NOx, SO2, hydrocacbon...

- Sản xuất các chủng loại xi măng mác cao, xi măng bền sunphat sử dụng cho những công trình chịu tác động của nước biển, vùng đất nhiễm mặn,...giúp tăng cường khả năng chống ăn mòn của các ion sulfat, clo cho bê tông... Tăng tỷ trọng các sản phẩm sau sản xuất xi măng như bê tông, gạch không nung để nâng cao được sức cạnh tranh.

- Tận dụng và tái chế chất thải: ứng dụng công nghệ tái chế chất thải công nghiệp để làm nhiên liệu, làm phụ gia cho xi măng để giảm giá thành, triển khai sản xuất chủng loại xi măng chuyên dùng xây trát cao cấp, hướng vào phân khúc thị trường xi măng giá thấp.

- Giảm nồng độ bụi trong sản xuất xi măng thông qua việc trang bị đồng bộ hệ thống thiết bị lọc bụi túi thể hệ mới thay thế lọc bụi tĩnh điện để đảm bảo giảm nồng

độ bụi trong khí thải.

- Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân kỹ thuật lành nghề, đội ngũ kỹ sư, tư vấn, thiết kế, nghiên cứu ứng dụng, hoàn thiện công tác quản trị và nhân sự nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Công ty để Công ty phát triển bền vững, bắt kịp trình độ khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến của thế giới, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất xi măng trong và ngoài nước thông qua việc triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường của Công ty và các Nhà phân phối, bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường. Từ đó, mở rộng độ phủ của sản phẩm xi măng Hoàng Mai trên thị trường.

- Tập trung đẩy mạnh tiến độ triển khai Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) nhằm tăng cường sự đồng bộ, thống nhất trong hoạt động, đồng thời góp phần tiết kiệm chi phí vận hành, tạo tiền đề cho việc ứng dụng công nghệ mới phục vụ cho nhu cầu phát triển trong tương lai.

\* Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội, cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Về môi trường

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường. Cụ thể, Công ty đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO thải ra bên ngoài.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008; ISO 14001-2004. Công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội

+ Cùng với việc đảm bảo hoạt động ổn định liên tục của các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn; công tác bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện

định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường cũng được Công ty đặc biệt quan tâm. Thực tế cho thấy kết quả giám sát chất lượng môi trường của các nhà máy, tòa nhà văn phòng và các công trình, kho từ lúc hoạt động đến nay đều đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Kiểm tra, đánh giá tác động của các dự án sản xuất xi măng đối với việc sử dụng đất, môi trường sinh thái một cách chặt chẽ và nghiêm túc.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

Có thể nói công tác bảo vệ môi trường đã được Công ty thực hiện tốt nên trong năm 2015 không để xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.

#### - Về xã hội, cộng đồng

+ Thực hiện nhiều giải pháp khả thi trong công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy. Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho CBCNV Công ty theo đúng yêu cầu luật định.

+ Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% CBCNV của công ty làm việc tại Nhà máy, các kho.

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

+ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn:

+ Xây dựng các nền tảng giá trị mới trong lĩnh vực sản xuất xi măng về: Phát triển nguồn lực con người, xây dựng văn hóa công ty; các tiêu chuẩn chất lượng và chỉ tiêu hiệu quả sản xuất. Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy xi măng xanh - sạch - đẹp.

+ Tham gia công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội như: Chăm sóc, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, hỗ trợ người nghèo, người già và trẻ em mồ côi, đồng bào bị thiên tai, xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ các huyện nghèo theo chương trình 30a của Chính phủ.

## 5. Các rủi ro

### 5.1. Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng cùng với chu kỳ kinh tế thế giới. Với đặc thù kinh doanh ngành xi măng, giá thành sản phẩm chính của xi măng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định ngoài kiểm soát, trong khi giá bán sản phẩm có xu hướng giảm do nguồn cung trong nước đang dư thừa, phải cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm xi măng giá rẻ.

Khả năng biến động thị trường tài chính do lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nói riêng phải nắm bắt, phân tích tình hình biến động giá cả, lãi suất.

Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn. Thị trường trong nước tiêu thụ khó khăn, các doanh nghiệp đã tìm hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, do giá thành cao, cơ sở hạ tầng như cảng biển, phương tiện vận tải chưa đồng bộ... nên công tác xuất khẩu xi măng gặp rất nhiều khó khăn. Vấn đề này được xem là thách thức lớn nhất đối với ngành xi măng nói chung và cho các đơn vị sản xuất kinh doanh xi măng trong Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam nói riêng.

## 5.2. Rủi ro luật pháp

Pháp luật và các chính sách của Việt Nam, đặc biệt là chính sách thuế thường xuyên có những thay đổi để phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hàng loạt các thay đổi về cơ chế, chính sách pháp luật kinh doanh trọng yếu vừa qua và sắp tới cũng đòi hỏi Công ty phải có sự chuyển đổi cơ chế, chính sách nội bộ của mình.

Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì Công ty còn chịu sự quản lý, chi phối của Tổng công ty, các hiệp hội... Do đó, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách của Tổng công ty, .. sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Để tồn tại và phát triển đòi hỏi Công ty phải tiếp tục tìm kiếm sáng tạo những định hướng mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới trong hoạt động kinh doanh.

Là một công ty đại chúng, Công ty chịu sự chi phối của đồng thời Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Khi thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của các quy định niêm yết của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, chính sự điều chỉnh này sẽ làm cho hoạt động của Công ty ngày càng minh bạch, nâng cao năng lực quản trị công ty. Tuy nhiên, do thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường khá mới mẻ,



tính ổn định chưa cao, do đó các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có thể sẽ gây lúng túng cho doanh nghiệp.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng tới việc nghiên cứu nắm bắt các quy định mới của pháp luật từ đó xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước.

### 5.3. Rủi ro biến động giá nguyên nhiên vật liệu

Với ngành xi măng, bình quân mỗi tấn xi măng sản xuất phải sử dụng 84 kwh điện, chi phí điện chiếm khoảng 14% giá thành. Giá xăng dầu, giá gas biến động theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng cũng biến động cùng chiều làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản. Điều này dẫn đến sản lượng tiêu thụ xi măng cũng biến động không ngừng.

Chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất tăng cao trong những năm tới trong khi giá bán xi măng không tăng hoặc tăng không đồng đều trong và ngoài VICEM, gây khó khăn trong việc tiêu thụ xi măng, hiệu quả SXKD ngày càng giảm. Bên cạnh đó, trong những năm tới nguồn than có khả năng bị thiếu hụt, nguồn cung cấp than sẽ cạn kiệt dần, khả năng cung cấp và giá cả sẽ biến động lớn do ngành than nhiều lần yêu cầu tăng giá. Ngoài ra, giá nhập khẩu thạch cao, clinker liên tục tăng, cộng với khó khăn về vận tải và cước phí tăng cao sẽ ảnh hưởng rất lớn đến khả năng sản xuất và làm giảm doanh thu của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, trong hoạt động sản xuất Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra công ty có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng tổng thể Nhà máy theo định kỳ nhằm duy trì hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và đảm bảo tuổi thọ của máy móc thiết bị.

### 5.4. Rủi ro đặc thù ngành

Tình hình thị trường tiêu thụ xi măng năm 2015 đã thực sự cạnh tranh quyết liệt do nguồn cung trong nước dư thừa. Trước những thách thức này, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thiện đề án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, hậu mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu xi măng.

Để hạn chế ảnh hưởng rủi ro thị trường, trong năm 2015, Vicem Hoàng Mai đã thực hiện một số giải pháp nhằm quản trị rủi ro:

- Tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh của Vicem Hoàng Mai, đảm bảo chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình kinh doanh từng giai đoạn mới.

- Không ngừng nâng cao năng lực của hệ thống phân phối với độ bao phủ cao. Để hoàn thiện và phát triển hệ thống phân phối kinh doanh xi măng, Vicem Hoàng Mai đã nghiên cứu đánh giá và đưa ra các giải pháp hoàn thiện hệ thống phân phối trong năm 2016.

- Nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng xi măng Hoàng Mai, phát triển các sản phẩm phù hợp với thực tiễn.

- Phân vùng thị trường để đảm bảo sự minh bạch, tránh chồng chéo và cạnh tranh không lành mạnh.

Bên cạnh nỗi lo về sự cạnh tranh về giá giữa xi măng trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước khác, Công ty còn phải đối mặt với khả năng bị thiếu hụt nguồn cung cấp than do sự cạn kiệt dần của nguồn cung tài nguyên thiên nhiên này.

Ngoài ra, các hạn chế về hạ tầng như cầu đường, cảng biển... cũng là những điểm cản trở lưu thông hàng hóa, góp phần đẩy chi phí vận chuyển lên cao, làm đội giá thành sản xuất xi măng.

Đẩy mạnh hoàn thiện đề án nâng cao năng lực hệ thống kênh phân phối hiện có, rà soát và hoàn thiện chính sách bán hàng, khuyến mãi, đồng thời đẩy mạnh kế hoạch xuất khẩu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược giúp Công ty phát triển ổn định và lâu dài.

#### 5.5. Rủi ro biến động lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Nhất là theo dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ lạm phát cao do chi phí y tế, giáo dục tăng.

Hiện nay, Công ty đang tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất này thông qua các biện pháp như: kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp.

Để kiểm soát rủi ro này, Vicem Hoàng Mai đã tổ chức triển khai lập báo cáo quản trị theo tuần/tháng phục vụ Ban lãnh đạo ra quyết định điều hành kinh doanh. Chủ động lập kế hoạch tài chính, bao gồm kế hoạch đầu tư, kế hoạch cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn phù hợp với kế hoạch kinh doanh hàng năm.

#### 5.6. Rủi ro trong hoạt động sản xuất

Với đặc thù Nhà máy xi măng vận hành liên tục và hoạt động sản xuất trên 20 năm nên thiết bị, máy móc trong dây chuyền công nghệ đang có xu hướng giảm tuổi thọ, tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng đến sự cố kỹ thuật hay an toàn lao động tại Nhà máy. Bên cạnh đó, chi phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa lớn 02 lần/năm có xu hướng tăng cũng làm tăng chi phí đầu vào của sản phẩm sản xuất. Ngoài ra, nguy cơ rủi ro về cháy nổ cũng tăng cao.

#### 5.6. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài v.v... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có những bước khởi sắc, dần đi vào sự ổn định, nền kinh tế tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP ước tính tăng 6,68%; riêng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,64%; Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 12% so với năm 2014; CPI bình quân tăng 0,63% là mức thấp nhất trong 14 năm trở lại đây. Chỉ số lạm phát thấp và có thể kiểm soát được.

Thị trường xi măng Việt Nam cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn. Áp lực cạnh tranh ngày càng lớn với 16 thương hiệu tham gia trên thị trường chính là Nghệ An, Hà Tĩnh gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty

Các thuận lợi kép trong năm 2014 như hoạt động kiểm soát tải trọng xe ô tô, dự án mở rộng quốc lộ 1A... không còn

Giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng: giá điện tăng 7,5%, giá than trong nước tăng.

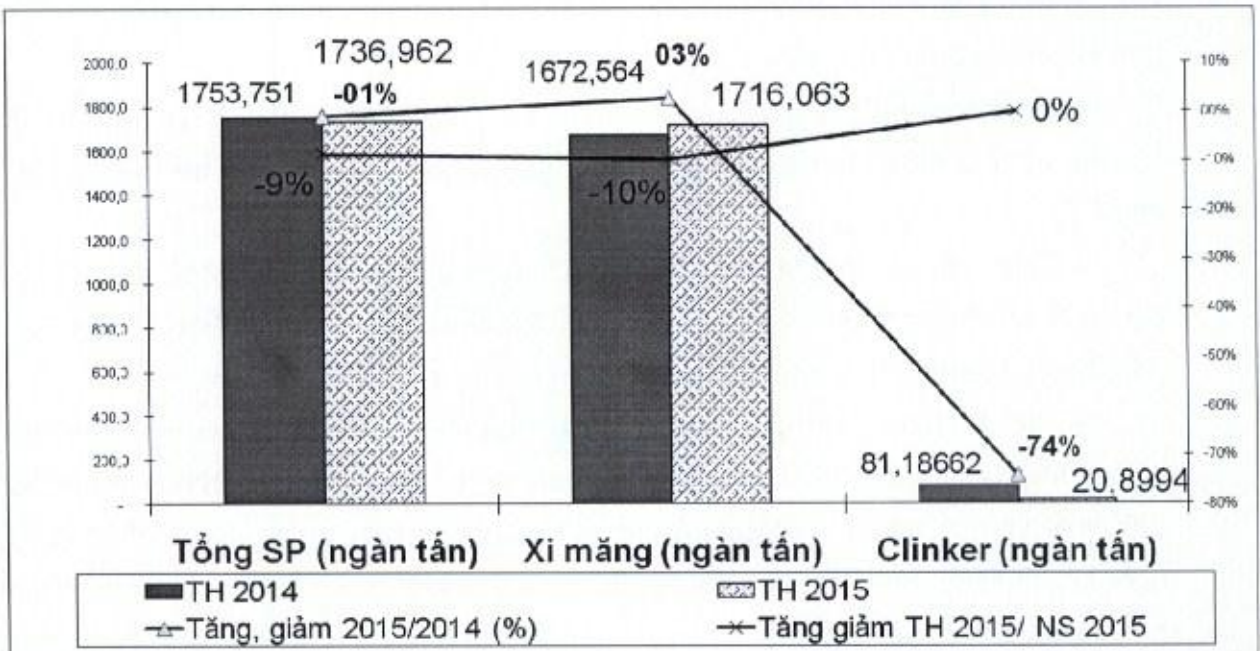
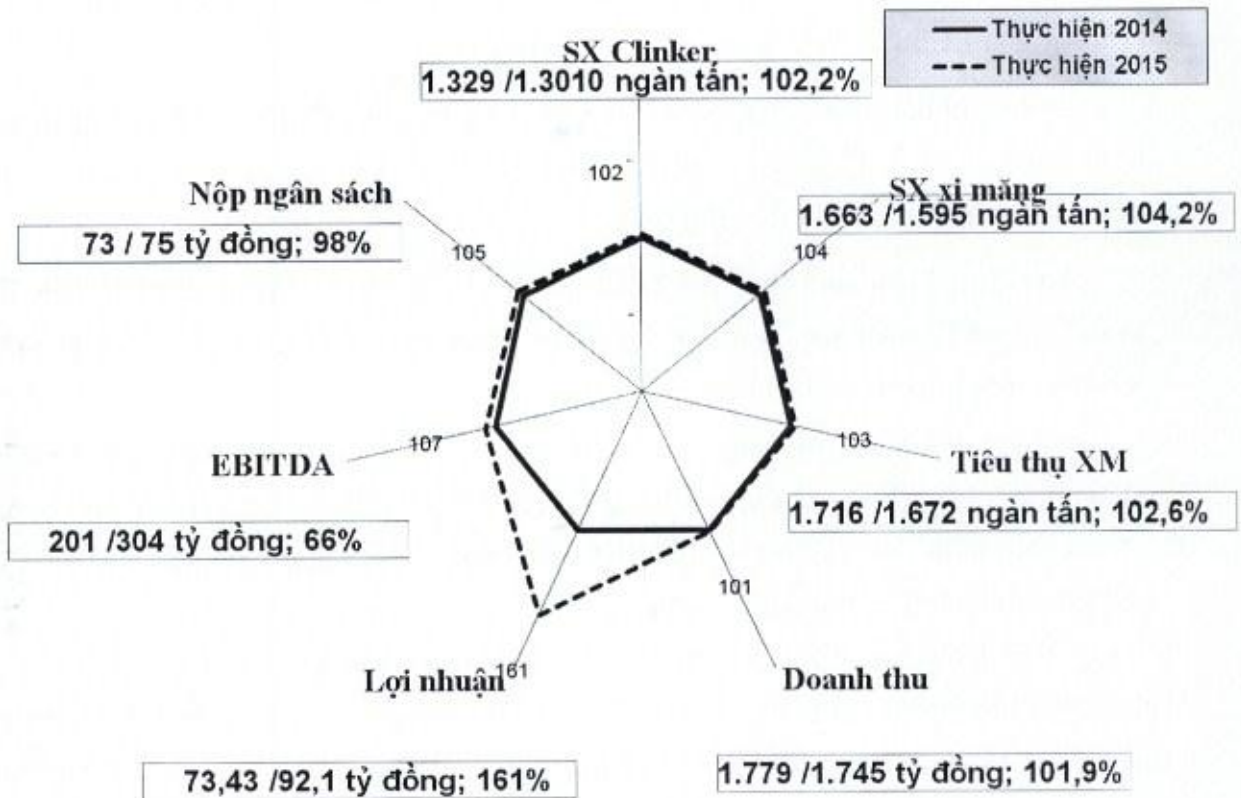
Trước những thực trạng trên, thị trường xi măng nội địa trong năm 2015 được đánh giá là hết sức khó khăn và cạnh tranh rất khốc liệt. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ công nhân viên, Công ty đã triển khai quyết liệt, đồng bộ, trọng tâm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 theo Nghị quyết của Hội đồng

quản trị Công ty, kết quả kinh doanh của Công ty đã có bước tăng trưởng so với năm 2014 và kế hoạch năm 2015.

Cụ thể như sau:

**Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chính:**

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	NS năm 2015	Thực hiện			
				TH năm 2014	TH năm 2015	TH.2015/ NS.2015	TH.2015/ TH.2014
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT</b>						
1	Clinker	Nghìn tấn	1.305	1.301	1.329	100,7	102,2
2	Xi măng	Nghìn tấn	1.675	1.595	1.663	96,13	104,2
1	Gạch block	Triệu viên	12	13,7	10,14	84,5	74
2	Đá VLXD	M3	350.000	361.572	316.067	90,3	87,4
3	Bê tông	M3	28.000	17.855	32.772	117	183,6
<b>B</b>	<b>TIÊU THỤ</b>						
1	Clinker	Nghìn tấn	85	81,18	20,89		25,8
2	Xi măng	Nghìn tấn	1.675	1.672	1.716	90,3	102,6
3	Gạch	Triệu viên	12	13,9	9,7	80,8	69,8
4	Đá	M3	329.000	322.359	285.754	86,9	88,6
5	Bê tông	M3	28.000	18.018	32.985	117,8	183,1
<b>C</b>	<b>CHỈ TIÊU</b>						
1	Chi phí đầu tư XD	Tỷ đồng	72,4	8,1	14,9	21,1	184
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.785	1.745	1.770	89	101,4
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65,4	45,6	73,2	79,4	161
4	EBITDA	Tỷ đồng	234,6	215,8	231,5	88,6	107,3
5	Tỷ suất LN/DT	%	3,1	2,6	4,1		
6	Tỷ suất LN/VĐT CSH	%	6,1	4,9	7,95		
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	77,6	66,3	69,5	87,2	104,8



\* So với năm 2014, tình hình tài chính của Công ty đạt hiệu quả rõ rệt. Lợi nhuận năm 2015 là 73,4 tỷ đồng, tăng hơn 61% so với năm 2014 (đạt 45,6 tỷ đồng). EBITDA năm 2015 là 231,5 tỷ đồng tăng 7% so với năm 2014 (215,8 tỷ) do: sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng tăng, tiêu hao than giảm 38 kcal/kg clinker, tỷ lệ pha phụ gia

XM tăng, tiêu hao điện sản xuất Clinker giảm 1,85 Kwh/tấn, tiêu hao điện sản xuất xi măng giảm 1,68 Kwh/tấn, chi phí tài chính giảm.

\* Lợi nhuận thực hiện năm 2015 lãi 73,4 tỷ đồng, tăng 8 tỷ so với ngân sách được duyệt năm 2015 (lợi nhuận NS năm 2015=65,4 tỷ đồng) chủ yếu là do sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ tăng.

**Kết quả kinh doanh năm 2015 đã thể hiện được những nỗ lực của Ban lãnh đạo cũng như tập thể cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, cụ thể là:**

- Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đã tăng cường gặp gỡ khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để xây dựng chính sách bán hàng phù hợp.

- Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt trong vấn đề cải thiện chất lượng, màu sắc và độ ổn định chất lượng của xi măng.

- Ban lãnh đạo, XN Tiêu thụ tăng cường tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương, thương hiệu xi măng Vicem Hoàng Mai được củng cố và phát triển qua các hoạt động vì cộng đồng, nhân ái. Sản lượng tiêu thụ xi măng làm giao thông nông thôn tăng mạnh.

- Tăng cường đội ngũ thương vụ, tận dụng cơ hội các ngành chức năng kiểm soát tải trọng để giành lại thị phần tại phân khúc giá thấp: cơ sở sản xuất gạch block, khu vực nông thôn phía Tây...

- Phối hợp với xi măng Vicem Bim Sơn trong việc phát triển thương hiệu Vicem, ngày càng nâng cao sản lượng tiêu thụ xi măng Vicem tại thị trường cốt lõi Nghệ An.

- Cùng với các đơn vị trong Vicem đã có sự trao đổi thông tin để cùng nhau hỗ trợ xử lý khi thị trường có những diễn biến bất thường, thực hiện hợp bản kế hoạch phối hợp thị trường tháng tiếp theo.

- Vicem Hoàng Mai phối hợp với các nhà phân phối thực hiện phương châm: "Cùng khách hàng tìm khách hàng", đề ra những cơ chế, chính sách hỗ trợ bán hàng linh hoạt và đẩy mạnh công tác quảng bá sản phẩm, thường xuyên tổ chức các hội nghị khách hàng để thông qua đó, tạo thêm sự gắn kết giữa nhà sản xuất với các nhà phân phối, đại lý cấp 2, các bạn hàng.

- Công ty đã triển khai tốt xuất khẩu xi măng sang thị trường Lào.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí định mức.

- Cơ cấu lại các khoản nợ vay có lãi suất cao, thường xuyên tìm kiếm các gói vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi để giải ngân với mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí tài chính.

- Quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty; linh hoạt trong xử lý vay trả nợ trong điều kiện có nhiều biến động bất lợi về tài chính tiền tệ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm hạ giá thành trong tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Với những thành tựu và kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được trong năm vừa qua, Công ty đã được các tổ chức và người tiêu dùng tin nhiệm tiêu dùng, thương hiệu Công ty không ngừng mở rộng.

**Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2015, hoạt động SX - KD của Công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục, đó là:**

- Một số thiết bị xe máy mô sử dụng lâu năm hoạt động không hiệu quả.
- Lực lượng làm công tác triển khai dự án còn thiếu và chưa tinh nhuệ.

Các hạn chế này là thách thức không nhỏ mà Công ty cần phải khắc phục ngay khi thị trường cạnh tranh cao và ngày một gay gắt.

**Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)**

- Tái cơ cấu địa bàn tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh và kiểm soát tiêu thụ.

- Rà soát, cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng rút gọn, tập trung nguồn lực để tạo nên kênh phân phối hiệu quả, cung cấp xi măng kịp thời đến khách hàng cuối cùng, tránh cạnh tranh nội bộ, lãng phí nguồn lực.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc trực tiếp: tư vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng, độ ổn định xi măng, dịch vụ chăm sóc lái xe vào nhận xi măng (ăn uống, rửa xe, bơm lốp,...), triển khai các chương trình khuyến khích tiêu thụ (tích lũy điểm, tổ chức cho các NPP xuất sắc học tập nước ngoài, tổ chức đào tạo cho thương vụ, kế toán của NPP).

- Triển khai sản xuất, kinh doanh sản phẩm xi măng xây trát C91, phù hợp về giá cả và đạt tiêu chuẩn chất lượng.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành.

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 4 phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và một trưởng phòng Tài chính Kế toán. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

**a. Ông Dương Đình Hội:**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,  
 Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai,  
 Bí thư Đảng ủy Công ty.

Giới tính: Nam Ngày/tháng/năm sinh: 20-09-1957  
 Quê quán: Xã Nga Hưng, Nga Sơn, Thanh Hóa Quốc tịch: Việt Nam  
 Số CMND: 171440683 Ngày cấp: 02/12/2008 Nơi cấp: CA Thanh Hóa  
 Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường Lam Sơn, TX Bim Sơn, Thanh Hóa  
 Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi ngành thi công  
 Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết: 20% (tương đương 14.400.000 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
06/1980 – 11/1981	KTV Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.
12/1981 – 02/1982	Trưởng ca sản xuất - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.
03/1982 – 04-1982	Phó quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.
05/1982 – 05/1985	Quyền quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.
06/1985 – 09/1999	Quản đốc - Xưởng cấp thoát nước – Nén khí – Nhà máy xi măng Bim Sơn.
09/1999 – 06/2005	Trưởng phòng Tổ chức lao động Cty XM Bim Sơn.
07/2005 – 11/2011	Phó Tổng Giám đốc Công ty Xi măng Bim Sơn.
12/2011 – 12/2014	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
12/2014 - Nay	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Bí thư Đảng ủy Công ty.



**b. Ông Nguyễn Công Hoà**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 06/01/1958

Quê quán: Phúc Thọ - Nghi Lộc - Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 186528789. Ngày cấp: 27/10/2006. Nơi cấp: Công an Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CPXM Vicem Hoàng Mai - Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc : 0383. 668071

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tương đương 3.965.000CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1982 - 1985	Công tác tại Công ty Xi măng Bim Sơn, Thanh Hóa
1985 - 1990	Thực tập sinh tại Tiệp Khắc
1990 - 1996	Kỹ thuật viên VP cơ khí trưởng Công ty Xi măng Bim Sơn
1996 - 1997	Phó quản đốc xưởng sửa chữa Công ty Xi măng Bim Sơn
1997 - 2001	Phó phòng Vật tư, Công ty Xi măng Bim Sơn
2001 - 2004	Trưởng phòng Vật tư, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2004 - 2006	Trưởng phòng Cơ điện, Công ty Xi măng Hoàng Mai
2006 - đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai

**c. Ông Trần Việt Hồng**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 20-07-1971

Quê quán: Đặng Sơn, Đô Lương, Nghệ An Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 141955002 Ngày cấp: 09/04/1997 Nơi cấp: CA Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Cty CP XM Vicem Hoàng Mai - Thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.

Số điện thoại liên lạc: 0383.664447

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (tương đương 0 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 – 10/1999	KTV cơ khí- X. Cơ khí – Công ty Xi măng Hoàng Thạch
11/1999 – 12/2000	Trưởng ca cơ khí - X.Cơ khí – C.ty Xi măng Hoàng Thạch
01/2001 – 11/2004	Phó Quản đốc X. Cơ khí – Công ty XM Hoàng Mai
12/2004 – 12/2007	Quản đốc X. Cơ khí – Công ty Xi măng Hoàng Mai
01/2008 – 04/2011	Trưởng phòng Cơ điện – Công ty CP XM Hoàng Mai
05/2011 – 08/2011	Quản đốc X. Cơ khí – C.ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
09/2011 – 02/2013	Trưởng phòng Cơ điện, C.ty CP Xi măng Vicem Hoàng
04/02/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai.

**d. Ông Nguyễn Quốc Việt**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 17 – 06 – 1972

Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND : 181791170 Ngày cấp : 09/10/2006

Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: C.ty CPXM Vicem Hoàng Mai –TX Hoàng Mai, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0383.866 170

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán, thạc sỹ kinh tế.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,51% (tương đương 3.965.200 CP)

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ công tác
1995 – 1996	Công tác tại Nhà máy dệt kim Hoàng Thị Loan
1996 – 2007	Công tác tại Phòng TCKT – Công ty XM Vicem Hoàng Mai
2007 – 15/01/2011	Kế toán trưởng Công ty cổ phần XM Vicem Hoàng Mai
15/01/2011 – nay	Phó Tổng GD Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

**e. Ông Lưu Đình Cường**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT,

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 25/02/1979

Quê quán: Quảng Ngọc – Quảng Xương – Thanh Hóa Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 171826974 Ngày cấp: 07/02/2007 Nơi cấp: CA Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Tổ 21, Phường Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam.

Số điện thoại liên lạc: 0983 490 510

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh công nghiệp

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% ( tương đương 0 CP)

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
08/1996 – 09/2000	Sinh viên Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
10/200 – 06/2001	Phòng Kế hoạch – nhà máy xi măng Sông Đà
06/2001 – 08/2011	Phòng kinh doanh thị trường – Trung tâm tiêu thụ công ty xi măng Bút Sơn.
09/2011 – 01/2013	Phòng kế hoạch công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai
01/2013 – 12/2014	Giám đốc XN tiêu thụ - công ty CP XM Vicem Hoàng Mai
12/2014 - Nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp tiêu thụ - công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai

#### **f. Bà Đậu Thị Nga**

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính Kế toán công ty CP XM Vicem Hoàng Mai

Giới tính: Nữ

Ngày/tháng/năm sinh: 15/02/1980

Quê quán: Hoàng Mai – Quỳnh Lưu – Nghệ An Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND: 182433886 Ngày cấp: 06/06/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Khối 5 – thị xã Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An

Số điện thoại liên lạc: 0989 994 058

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0067% ( tương đương 4.800 CP)

## Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác
09/2003 – 06/2011	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
07/2011 – 12/2014	Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.
01/2015 - Nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2015 không có thay đổi nhân sự trong Ban điều hành.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Trong bối cảnh nền kinh tế xã hội năm 2015 gặp nhiều khó khăn, Công ty đã nỗ lực và cố gắng đảm bảo ổn định các chính sách đối với người lao động.

+ Tình hình lao động: Tổng số cán bộ, công nhân viên của công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 980 người, trong đó lao động nữ là 179 người chiếm 18%, tỷ lệ này phù hợp với một công ty sản xuất công nghiệp. Tuổi bình quân của CBCNV là 38 tuổi. Phân loại lao động tại Công ty hiện nay là hợp lý, số lao động quản lý, lao động gián tiếp, lao động bán hàng chiếm 24% trong tổng số lao động, còn lại 76% là lao động trực tiếp đúng với quy tắc bố trí lao động hiện nay (Quy tắc 80/20).

+ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo năng lực nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay, hệ thống thang bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các Quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các quy định của Chính phủ.

- Năm 2015, công ty đã hoàn thành 2 dự án quan trọng về chính sách quản trị nhân sự và tiền lương, đó là dự án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung

năng lực đã hoàn thành và sẽ áp dụng trong năm 2016. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác.

- Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện ý thức, tác phong công nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, quy chế, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức danh công việc đảm nhận, đẩy mạnh tổ chức tập trung đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật.

- Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài. Quan tâm đào tạo nhân lực trẻ, có tiềm năng phát triển trong chuyên môn và quản lý. Thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chính sách để động viên, khuyến khích CBCNV tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ. Trong thời gian qua, lãnh đạo công ty luôn xem công tác đào tạo nội bộ là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, nên đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức. Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường đào tạo tại chỗ, mời giảng viên về đào tạo riêng cho CBCNV theo chương trình, nội dung đặt hàng để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất đặc thù công việc của công ty. Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của công ty đã phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy an toàn, hiệu quả.

- Trong năm 2015, Công ty đã tổ chức đào tạo được 56 khóa học về các lĩnh vực quản lý, tài chính, công nghệ thông tin, kỹ thuật, nghiệp vụ... Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và sẵn sàng đầu tư cho các cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chuyên môn giỏi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu mang tính đặc thù ở nước ngoài để tiếp nhận các kinh nghiệm, kiến thức mới phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cũng như hỗ trợ cho các dự án mới của Công ty.

- Tổng số lượt người được đào tạo là 1.756 lượt người với tổng kinh phí đào tạo hơn 4,4 tỷ đồng. Các cán bộ, công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy

đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành và thường xuyên tổ chức các hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập nâng cao trình độ tay nghề của công nhân viên chức. Đối với cán bộ quản lý Công ty tổ chức các lớp đào tạo mời các cơ quan chức năng, các trường đào tạo lên lớp, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho cán bộ. Đào tạo trong năm 2015 đã chú trọng đến chất lượng, theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và đào tạo các lĩnh vực công ty đang thiếu để nâng cao chất lượng lao động. Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc, đặc biệt là đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty đã phát huy tốt trình độ kỹ thuật và thực hiện thành công các đợt bảo dưỡng sửa chữa lớn Nhà máy năm 2015;

- Tiếp tục tổ chức sắp xếp lao động phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 950 người lao động và tổ chức cho 20 người lao động có sức khỏe loại 4, loại 5 đi nghỉ điều dưỡng tại Trung tâm điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn - Thanh Hóa;

- Tổ chức ‘Đêm hội trăng rằm’ với quy mô toàn công ty, tạo sân chơi vui Tết trung thu cho trên 1.500 cháu là con cán bộ công nhân viên của Công ty và tặng quà nhân Tết Trung thu cho 1.500 cháu là con, em người lao động Công ty với số tiền 471.130.312 đồng;

- Tổ chức tặng quà, khen thưởng cho 674 cháu là con CBCNV công ty đạt kết quả trong kỳ thi đại học, cao đẳng và các cháu học sinh là con CBCNV công ty có thành tích tốt trong học tập năm 2015 với tổng số tiền là 109.750.000 đồng;

- Tổ chức sinh hoạt hè với các hoạt động văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian và nghi thức Đội thiếu niên cho 225 cháu là con CBCNV của Công ty tại Nhà văn hóa Khu tập thể B tạo điều kiện cho các cháu có sân chơi lành mạnh trong dịp hè, giúp CBCNV an tâm công tác.

- Thăm hỏi động viên kịp thời CBCNVLĐ Công ty có hoàn cảnh khó khăn, tham mưu chuyên môn, hỗ trợ cho người khuyết tật, trẻ mồ côi, Phường Quỳnh Thiện với giá trị 15 triệu đồng, hỗ trợ 30 tấn xi măng để sửa chữa 2 Trường Tiểu học tạo điều kiện cho học sinh có điều kiện học tập tại Phường Mai Hùng và xã Quỳnh Vinh, Thị xã Hoàng Mai.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2015, Vicem Hoàng Mai đã quyết liệt triển khai các giải pháp để đổi mới và nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu phát triển theo hướng bám sát nhu cầu thị trường, đồng thời tận dụng các lợi thế sẵn có của công ty, một số sản phẩm đã được phát triển thành công và đã được đưa vào sản xuất kinh doanh thực tế.

Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư như dự án xi măng Hoàng Mai 2, dự án thăm dò bổ sung nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác Mỏ sét Quỳnh Vinh, dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện. Dự án khảo sát thăm dò mỏ đá vôi Bắc Thăng và Mỏ đá sét đá bạc.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	triệu đồng
			% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	1.855.760	1.862.736	3,7%
Doanh thu thuần	1.745.708	1.770.252	1,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	43.044	76.206	77%
Lợi nhuận khác	2.568	(2.953)	
Lợi nhuận trước thuế	45.612	73.253	60,6%
Lợi nhuận sau thuế	43.133	62.723	45,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3%		

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghichú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,53	0,68	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,32	0,42	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,52	0,5	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,09	1,02	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	4,33	4,96	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,94	0,95	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2%	4%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5%	7%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	2%	4%	

*5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

- Tổng số cổ phần: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 72.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần



## b) Cơ cấu cổ đông

Đối tượng	HCCN	CNTD	Tổng cộng	Tỷ lệ SH
<b>I. Cổ đông đặc biệt</b>		<b>51.121.000</b>	<b>51.121.000</b>	<b>71%</b>
1. Hội đồng quản trị		47.153.500	47.153.500	65%
2. Ban Tổng Giám đốc		22.330.200	22.330.200	31%
3. Ban kiểm soát		3.962.700	3.962.700	5,5%
4. TP. Tài chính Kế toán		4.800	4.800	0,007%
<b>II. Cổ phiếu quỹ</b>		<b>2.771.400</b>	<b>2.771.400</b>	<b>3,85%</b>
<b>III. Cổ đông khác</b>		<b>18.107.600</b>	<b>18.112.400</b>	<b>25,15%</b>
1. Trong nước		14.394.200	13.269.800	18,4%
1.1 Cá nhân		11.893.029	10.797.646	15%
1.2 Tổ chức		2.501.171	2.467.354	3,4%
- Trong đó Nhà nước:				
2. Nước ngoài		3.713.400	4.842.600	6,7%
2.1 Cá nhân		147.400	366.200	0,5%
2.2 Tổ chức		3.566.000	4.476.400	6,2%
<b>CỘNG:</b>		<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>100%</b>

\* Số liệu cổ phần nêu trên được chốt tại thời điểm 08/07/2015 phục vụ chốt danh sách thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2014 cho cổ đông.

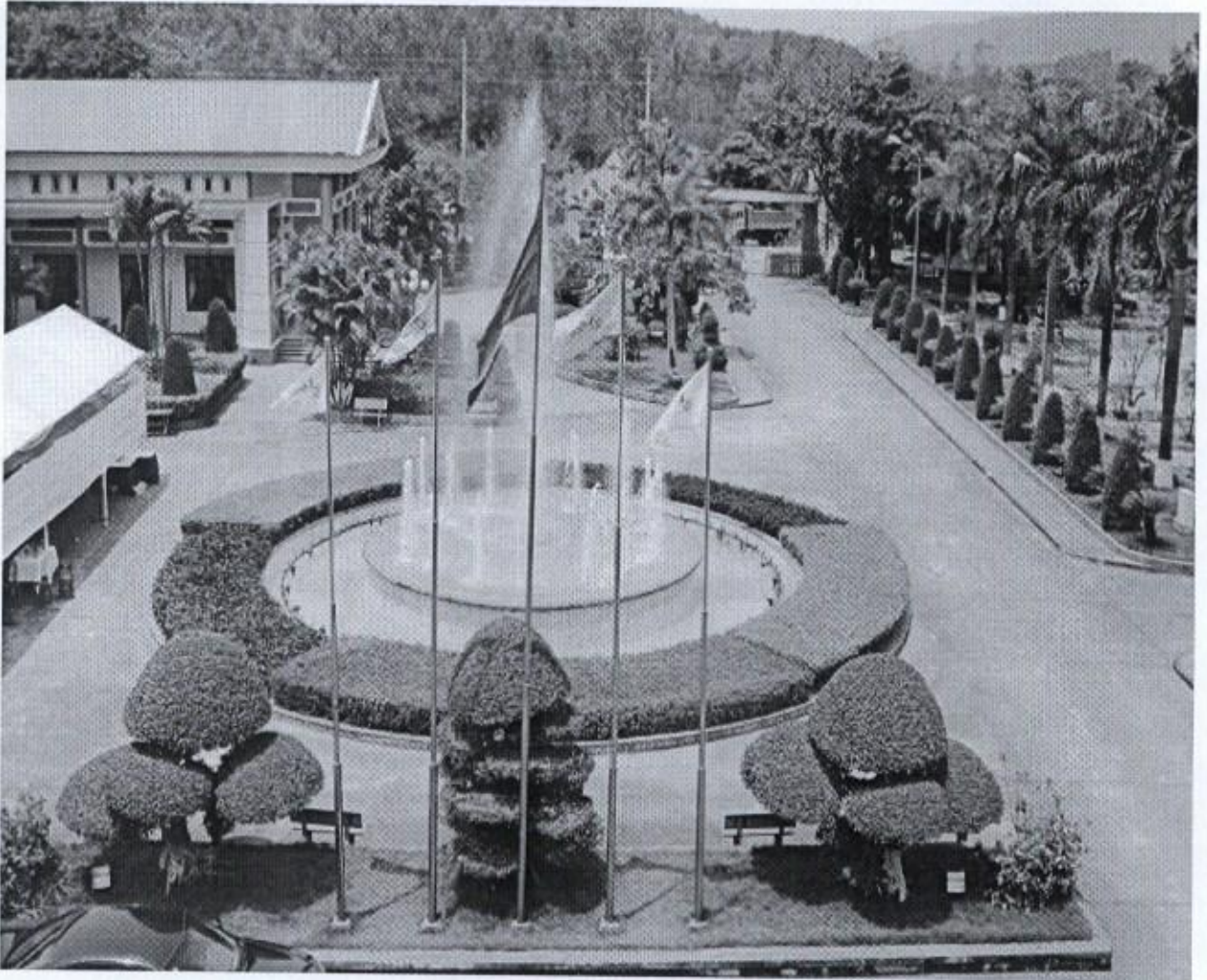
\* Số lượng cổ phần CNTD của Hội đồng quản trị tại mục I đã bao gồm số lượng cổ phần CNTD của Ban Giám đốc.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2015, Công ty không tăng vốn cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2015, Công ty không thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ. Tính đến hết năm 2015, Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai sở hữu 2.771.400 cổ phiếu.

e) Các chứng khoán khác: Công ty không phát hành chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Trong chặng đường phát triển hơn 20 năm qua, triết lý kinh doanh “phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội” luôn được Vicem Hoàng Mai gìn giữ và phát triển như một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Công ty luôn thực hiện đồng thời các mục tiêu Phát triển có hiệu quả về kinh tế, hài hòa các mặt xã hội; Cải thiện môi trường sống, bảo đảm phát triển lâu dài, bền vững. Xuất phát từ mục tiêu trên, Công ty đã triển khai:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nhà máy xi măng Hoàng Mai với công nghệ khô, lò quay, công suất  $\geq 4.000$  tấn clinker/ngày, 1,4 triệu tấn xi măng/năm. Nhà máy hoạt động theo dây chuyền khép kín từ khâu nguyên liệu đầu vào (nguyên liệu thô) cho tới khi sản phẩm hoàn thành đầu ra (vật liệu xi măng). Quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, thiết bị toàn

nhà máy hoạt động 24h trong ngày. Tất cả các công đoạn trong dây chuyền sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ thông qua hệ thống các thiết bị kiểm tra, hệ thống quản lý chất lượng và các Camera giám sát. Lực lượng lao động trực tiếp được tổ chức làm việc theo 3 ca, tất cả các ngày trong tuần.

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất sử dụng	ĐVT	Số lượng sử dụng/tháng
1	Axit Formic	Lít	0.2
2	Cồn tuyệt đối	Lít	20
3	Amoni III Sulphate	Kg	0.1
4	$K_2Cr_2O_7$	Kg	0.1
5	Axit Boric	Kg	0.2
6	$NH_4CH_3COO$	Kg	0.2
7	KOH	Kg	0.5
8	$BaCl_2$	Kg	0.5
9	$NH_4Cl$	Kg	0.2
10	Axit Benzoic	Kg	0.1
11	EDTA	g	100
12	NaOH 0,5N	Hộp	1
13	Ethylene Glycol	Lít	12
14	Glyxerin	Lít	1
15	$Cu_2Cl_2$	kg	0.1
16	$NH_4OH$	Lít	4
17	HCl	Lít	4
18	$NaCH_3COO$	Kg	1
19	$Na_2SO_4$	Kg	2
20	$H_2O_2$	Lít	0.05
21	Ống chuẩn HCl 0,1 N	Ống	1
22	Ống chuẩn HCl 0,5 N	Ống	2
23	Ống chuẩn EDTA 0,01 M	Ống	2

24	Ống chuẩn EDTA 0,1 M	Ống	1
25	Ống chuẩn NaOH 0,25 N	Ống	2

- Nguyên, vật liệu sản xuất:

TT	Nguyên, vật liệu sản xuất	ĐVT	Khối lượng
1	Đá vôi (bao gồm đá vôi dùng làm VLXD)	Tấn/năm	2.416.857
2	Đá sét	Tấn/năm	244.257
3	Đất giàu sắt	Tấn/năm	49.358
4	Đất giàu silic	Tấn/năm	41.321
5	Đá xít	Tấn/năm	37.205
6	Bazan	Tấn/năm	134.423
7	Thạch cao	Tấn/năm	50.571

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng

Là một trong những đơn vị sản xuất xi măng, Vicem Hoàng Mai luôn nghiên cứu và ứng dụng việc sử dụng năng lượng để giảm tiêu hao hiệu quả nhất.

#### 201320142015

1.Điện (kwh/ tấn CLK/năm)	65,98	63,49	62,44
2.Dầu (kcal/kgCLK/năm)	6,59	5,86	6,24
3.Than (kcal/kg CLK/năm)	955	889	869

### 6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Lượng nước khai thác trung bình khoảng 3.096m<sup>3</sup>/ngày/đêm. Lượng nước này dùng để phục vụ sản xuất và sinh hoạt;

Nguồn cung cấp: Nước ngầm khai thác từ các giếng khoan của nhà máy.

20% nước phục vụ sản xuất bị bay hơi trong quá trình làm mát, khí thải, nguyên liệu, sản phẩm... Phần làm mát thiết bị còn lại được hồi lưu, tái sử dụng hoàn toàn không thải ra môi trường ngoài.

Nước thải sinh hoạt thải ra môi trường trung bình 26m<sup>3</sup>/ngày/đêm. Nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường ngoài được thu gom về các bể phốt sau đó lắng lọc và được xử lý bằng phương pháp vi sinh tại 02 hồ chứa nước thải của Nhà máy

mới thải ra sông Sác, xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Nước thải ra luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Thực hiện các cam kết của báo cáo đánh giá tác động môi trường qua quá trình thực hiện Công ty đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Nghệ An xác nhận đã lắp đặt các hệ thống xử lý môi trường phù hợp với ĐTM, thực hiện nghiêm túc các hoạt động bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt ĐTM tại Văn bản số 80/XN/KCM ngày 16/9/2002.

##### **Thực hiện giám sát môi trường định kỳ:**

Thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt, hàng năm Công ty luôn thuê các đơn vị có đủ năng lực để thực hiện quan trắc, giám sát môi trường theo các quy định của ĐTM, cụ thể như sau:

- Quan trắc môi trường không khí xung quanh 2 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, tiếng ồn.
- Quan trắc môi trường khí thải công nghiệp xi măng 2 lần/năm; các thông số giám sát: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- Quan trắc môi trường nước thải 4 lần/năm; các thông số giám sát: 15 chỉ tiêu gồm: pH, DO, TSS, TDS, S<sup>2-</sup>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, COD, BOD<sub>5</sub> và Coliform.
- Quan trắc môi trường nước ngầm 4 lần/năm; các thông số giám sát: 10 chỉ tiêu gồm: pH, CaCO<sub>3</sub>, NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, COD, Coliform, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, Fe, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, SO<sub>4</sub><sup>2-</sup>, Cl<sup>-</sup>.
- Quan trắc môi trường nước mặt 4 lần/năm; các thông số giám sát: 15 chỉ tiêu gồm: pH, DO, TSS, TDS, S<sup>2-</sup>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, COD, BOD<sub>5</sub> và Coliform.
- Quan trắc độ rung 2 lần/năm: 02 mẫu.

**Về khí thải:** Khí thải của nhà máy chủ yếu phát sinh từ các công đoạn: Nung Clinker, làm nguội Clinker, nghiền than, nghiền xi măng được thải ra ống khói chính cao 110m và 3 ống khói khác cao trên 50m. Khí thải từ các công đoạn sản xuất của nhà máy trước khi thải ra môi trường qua các ống khói trên được xử lý qua hệ thống lắng lọc cyclon và 04 hệ thống lọc bụi tĩnh điện (thiết bị lọc bụi bằng phương pháp này có hiệu suất lọc bụi đạt 99,99%) nên không gây tác động đáng kể đến môi trường không khí xung quanh.

##### **Về quản lý chất thải rắn:**

- Rác thải sinh hoạt (chất hữu cơ, giấy, túi nilong, bao gói...) phát sinh khoảng 10.000kg/năm được xử lý tại bãi chôn lấp chất thải của Công ty.

- Rác thải sản xuất (đất cát rơi vãi, clinker kém chất lượng...) phát sinh khoảng 30.000kg/năm được tái sử dụng lại.

#### **Về chất thải nguy hại (CTNH):**

- Chủng loại gồm: Dầu thải, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế.

- Khối lượng phát sinh: khoảng 13.281kg/năm.

- Công tác thu gom, phân loại, lưu giữ:

+ Các loại chất thải nguy hại này được Công ty tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, xác định khối lượng và đưa về kho lưu trữ chất thải nguy hại tập trung của Công ty.

+ Đối với các loại chất thải như: Dầu thải, dẻ lau dính dầu, chai đựng hóa chất, chai dính dầu được xử lý bằng phương pháp thiêu hủy tại lò nung clinker; Công ty được Tổng cục Môi trường chấp thuận cho tự xử lý các loại chất thải nêu trên tại Văn bản số 92/TCMT-TĐ ngày 24/1/2014 của Tổng cục môi trường “về việc thay đổi biện pháp xử lý chất thải nguy hại”.

+ Đối với các loại không được xử lý như: Ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang hỏng, rác thải y tế Công ty thuê đơn vị có đủ chức năng là Công ty cổ phần Cơ điện – Môi trường LILAMA để xử lý (có hợp đồng và các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại kèm theo).

+ Công ty được Sở Tài nguyên và môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số QLCTNH: 40.000291.Tx, cấp lại lần thứ 7 ngày 22/4/2014.

#### **Tiếng ồn:**

- Nguồn phát sinh: Với đặc trưng là ngành công nghiệp nặng nên hầu như các công đoạn của quá trình sản xuất xi măng đều phát sinh tiếng ồn.

- Biện pháp giảm thiểu:

+ Lắp đặt lò xo, cao su giảm chấn nhằm chống rung, ồn.

+ Lắp đặt đệm chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

+ Dùng các vật liệu cách âm cũng như hút âm để kiểm soát tiếng ồn.

+ Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

+ Trồng nhiều cây xanh trong và xung quanh nhà máy để ngăn bụi và tiếng ồn lan ra ngoài nhà máy, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

+ Xung quanh nhà máy được thiết kế các hào, mương nước nhằm giảm rung,

chấn ra ngoài nhà máy.

### **Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:**

Thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Công ty đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải hằng năm theo yêu cầu của Chi cục bảo vệ môi trường Nghệ An là 1.500.000 VNĐ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

**Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường:** Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm, cụ thể:

- Từ năm 2007-2012 số tiền nộp là: 705.884.354 VNĐ (có phiếu ủy nhiệm chi kèm theo).

- Năm 2013 số tiền nộp là: 72.802.925 VNĐ.

- Năm 2014 số tiền nộp là: 72.802.930 VNĐ.

- Năm 2015 số tiền nộp là: 38.490.925 VNĐ.

- Năm 2016 số tiền nộp là: 74.681.511 VNĐ.

Hằng năm Công ty hợp đồng thuê đơn vị vệ sinh thường xuyên tổ chức quét dọn, thu gom, phân loại các loại chất thải nhằm đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường trong Công ty và tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý chất thải.

Với yêu cầu và tính chất quan trọng của công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe, môi trường, bộ máy quản lý công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đã được kiện toàn và tổ chức hoạt động đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ.

Qua kết quả đo đạc, khảo sát của các đơn vị quan trắc, giám sát môi trường cho Công ty trong những năm vừa qua cho thấy các chỉ tiêu môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép, chất lượng môi trường tại khu vực khai thác mỏ và xung quanh nhà máy đều đảm bảo, hàm lượng bụi, khí thải đều nằm trong giới hạn của các tiêu chuẩn đã ban hành và không có nhiều biến động giữa các đợt quan trắc.

Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ công tác bảo vệ môi trường trên cơ sở Luật Bảo vệ môi trường. Phương châm hành động của Công ty là sản xuất phải đi đôi với bảo vệ môi trường.

### *6.5. Chính sách liên quan đến người lao động*

#### **a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

100% lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương bình quân 2015 = 8,87 triệu đồng/người/tháng)

#### **b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/**

- Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.

- Năm 2015, Công ty triển khai quyết liệt dự án xây dựng KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực để đưa vào áp dụng nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, công ty luôn cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách và cơ hội thăng tiến cho người lao động.

- Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức

khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, OHSAS 18001-2007, ISO 14001-2004.

- Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu tại tất cả các đơn vị của công ty.

- Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo chế độ: Nam 01 lần/năm và Nữ 02 lần/năm.

- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.

- Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.

#### c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Trong năm 2015, Vicem Hoàng Mai đã xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như sau: Thực hiện được 56 khóa đào tạo cho 1.756 lượt CBCNV với kinh phí 2,4 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2015 của Vicem Hoàng Mai đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công ty, cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Vicem Hoàng Mai.



### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các dự án an sinh xã hội tập trung vào các lĩnh vực như phụng dưỡng mẹ Việt nam anh hùng, cứu trợ nhân đạo, tài trợ các em học sinh nghèo học giỏi.....

Với sự tận tâm và hỗ trợ thiết thực, kịp thời, Vicem Hoàng Mai cam kết sẽ luôn song hành giữa sản xuất kinh doanh và thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng

### 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

- Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể:

- Vicem Hoàng Mai luôn không ngừng nghiên cứu để đưa ra thị trường chất lượng sản phẩm tốt, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký, giá cả hợp lý..

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, thực nghiệm về sản phẩm.

- Công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật.

- Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

- Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh gimp thông qua việc triển khai chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Qua 20 năm hoạt động, Vicem Hoàng Mai ngày càng lớn mạnh và phát triển bền vững. Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo sứ mệnh và chiến lược đã đề ra, kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, năm 2014 Công ty đã đạt được kết quả khả quan và vượt kế hoạch về sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nhiều khó khăn hơn trước, hoàn thành mục tiêu phát triển thương hiệu, phát triển thị trường và nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường xi măng. Ban điều hành đánh giá về những khó khăn và thuận lợi như sau:

#### ❖ Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, các đơn vị trong Ngành và các Bộ/Ngành có liên quan, đặc biệt là đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất. Chất lượng và thương hiệu Xi măng Hoàng Mai đã được

khẳng định về uy tín, vị thế trong lĩnh vực sản xuất Xi măng. Hệ thống phân phối, kinh doanh được triển khai bền vững đến các vùng tiêu thụ.

- Giá xăng dầu, giá gas giảm theo tình hình thị trường thế giới dẫn đến chỉ số giá nhóm ngành giao thông, nhà ở và vật liệu xây dựng giảm làm tăng nhu cầu đầu tư, xây dựng cơ bản.

- Hoạt động xây dựng năm 2015 có những khởi sắc. Nhiều dự án phát triển giao thông triển khai xây dựng.

- Hệ thống phân phối, kinh doanh bền vững.

#### ❖ **Khó khăn:**

- Nhà máy vận hành đã gần 20 năm nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ sự cố về máy móc, thiết bị.

- Thị trường xi măng Việt Nam “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt với 16 thương hiệu tham gia trên thị trường chính là Nghệ An, Hà Tĩnh gây thêm nhiều khó khăn trong cạnh tranh tại các địa bàn chính của Công ty

#### **Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm**

Sản lượng Clinker sản xuất: 1.329 nghìn tấn – vượt 1,84% kế hoạch

Sản lượng xi măng tiêu thụ: 1.716 nghìn tấn – vượt 2 % kế hoạch

Doanh thu: 1.770 tỷ đồng – đạt 99% kế hoạch;

Lợi nhuận trước thuế: 73,7 tỷ đồng – vượt 12% kế hoạch.

\* So với kế hoạch năm 2015, tình hình tài chính của Công ty đạt hiệu quả tương đối. Lợi nhuận năm 2015 là 73,7 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch năm 2015 (lợi nhuận NS năm 2015 = 65,4 tỷ đồng). EBITDA năm 2015 là 233,6 tỷ đồng, đạt 99,6% so với kế hoạch năm 2015 ( 234,6 tỷ đồng) do: sản lượng tiêu thụ xi măng thực hiện vượt hơn 40.000 tấn, giá dầu DO giảm, tiêu hao một số nguyên vật liệu trực tiếp như bazan, than giảm.

#### **Những tiến bộ Công ty đã đạt được:**

Năm 2015, Công ty đã chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh trong quá trình sửa chữa.. Công tác rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả, giúp giảm giá thành sản xuất.

- Mặc dù thị trường xi măng có sự cạnh tranh rất mạnh mẽ nhưng công ty đã duy trì được thị phần, sản lượng tiêu thụ cao, tạo được chỗ đứng trên thị trường bằng chất lượng sản phẩm.

- Hoàn thành và sẽ đưa vào áp dụng trong năm 2016 dự án KPI và dự án cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực. Đã cập

nhật, điều chỉnh hoàn thiện sơ đồ tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Ban. Xưởng thuộc bộ máy điều hành của công ty phù hợp với thực tế; sắp xếp lại bộ máy trên cơ sở tinh gọn, giảm bớt cấp quản lý trung gian.

- Lãnh đạo Vicem Hoàng Mai đã tăng cường gặp gỡ khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để xây dựng chính sách bán hàng phù hợp.

- Ban lãnh đạo Công ty quyết liệt trong vấn đề cải thiện chất lượng, màu sắc và độ ổn định của xi măng, nâng độ dư mác xi măng rời. Dư mác cao, ổn định:  $49 \pm 1$  N/mm<sup>2</sup>, độ sụt >16 trong 2 giờ).

- Rà soát, cơ cấu lại hệ thống phân phối theo hướng rút gọn, tập trung nguồn lực để tạo nên kênh phân phối hiệu quả, cung cấp xi măng kịp thời đến khách hàng cuối cùng, tránh cạnh tranh nội bộ, lãng phí nguồn lực.

- Triển khai các hoạt động chăm sóc trực tiếp: tư vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng, độ ổn định xi măng, dịch vụ chăm sóc lái xe vào nhận xi măng (ăn uống, rửa xe, bơm lốp,...), triển khai các chương trình khuyến khích tiêu thụ (tích lũy điểm, tổ chức cho các NPP xuất sắc học tập nước ngoài, tổ chức đào tạo cho thương vụ, kế toán của NPP).

- Ban lãnh đạo công ty cùng với XN Tiêu thụ tăng cường tạo mối quan hệ với chính quyền địa phương, thương hiệu xi măng Vicem Hoàng Mai được củng cố và phát triển qua các hoạt động vì cộng đồng, nhân ái. Sản lượng tiêu thụ xi măng làm giao thông nông thôn tăng mạnh.

Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2016, hoạt động SX - KD của công ty cũng còn một số hạn chế cần được khắc phục trong thời gian tới, đó là:

- Cần có những bước đột phá thực sự trong công tác nghiên cứu phát triển.
- Đội ngũ kinh doanh cần năng động, linh hoạt và chuyên nghiệp hơn để phù hợp với thị trường cạnh tranh ngày một khó khăn, khốc liệt.
- Lực lượng làm công tác ĐTXD cần được bổ sung và đào tạo về số lượng, chất lượng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển của công ty.

## 2. Tình hình tài chính.

### a) Tình hình tài sản

\* Tổng tài sản đầu năm 2015 là 1.855 tỷ đồng, cuối năm 2015 là 1.862 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng tương ứng tăng 0,4%. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 101 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,7%; tài sản dài hạn giảm 94,6 tỷ đồng, tương ứng giảm 7%. Tài sản cố định giảm 85 tỷ đồng do: Khấu hao TSCĐ trong năm là 123 tỷ đồng,

mua sắm mới 31 tỷ đồng, tăng đầu tư XDCB hoàn thành 11,7 tỷ đồng, thanh lý nhượng bán 4,6 tỷ đồng.

\* Cơ cấu tài sản cuối năm và đầu năm như sau: hệ số tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản đầu năm là 24%, cuối năm là 33%; hệ số tài sản dài hạn/ tổng tài sản đầu năm là 76% và cuối năm là 67%.

\* Các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm giảm 29,6 tỷ đồng, các khoản phải thu của khách hàng cuối năm đều nằm trong hạn mức bảo lãnh cho phép; tỷ trọng các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi/ các khoản phải thu ngắn hạn đầu năm là 2,1% và cuối năm là 2,6%.

\* Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản năm 2015 là 3.4%.

#### b) Tình hình nợ phải trả

\* Tổng các khoản nợ phải trả đầu năm là 967 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 831 tỷ đồng, nợ dài hạn là 906 tỷ đồng), cuối năm là 940 tỷ đồng (Nợ ngắn hạn là 906 tỷ đồng, nợ dài hạn là 33,7 tỷ đồng), giảm 27 tỷ đồng tương ứng giảm 2,8%. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng 74 tỷ đồng (tương ứng giảm 8,9%); nợ dài hạn giảm 102 tỷ đồng (tương ứng giảm 75%).

\* Hệ số nợ (Tổng nợ/Tổng TS) đầu năm là 52%, cuối năm là 50%, giảm 2%.

\* Đến thời điểm 31/12/2015, số dư nợ vay ngoại tệ của công ty là 568.797,62 USD, tương ứng 12,8 tỷ đồng (khoản vay của Quỹ hỗ trợ phát triển kinh tế Á Rập theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty Xi măng Hoàng Mai ngày 24 tháng 11 năm 1999 số tiền 2.659.983,41 USD. Lãi suất của Hợp đồng vay là 4,2%/năm), khoản vay ngoại tệ này chiếm tỷ trọng không lớn trong tổng nợ phải trả do đó trong năm 2015 công ty chịu ảnh hưởng không nhiều chênh lệch tỷ giá hối đoái của khoản vay này đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Điều chỉnh, ban hành lại cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai; Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của tất cả các phòng, ban, xưởng, đơn vị trực thuộc trong Công ty.

- Rà soát các quy chế quản lý nội bộ để bổ sung sửa đổi theo đúng quy định và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiêu thụ sản phẩm, tăng sản lượng tiêu thụ trong khối dân sinh, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời tại các địa bàn chính.

- Đảm bảo công tác kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, tối ưu công tác phối liệu, công tác vận hành với mục tiêu duy trì lò nung hoạt động ổn định với chất lượng (min 55N/mm<sup>2</sup>), tiêu hao (820 kcal/kg clinker); tăng thời gian chạy lò tối thiểu 8 tháng liên tục trong năm 2016 với tổng thời gian chạy lò đạt tối thiểu 333 ngày/năm.

- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người và thiết bị, không để xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động đáng tiếc trong năm 2016.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy, đào tạo, sắp xếp nguồn nhân lực của Công ty theo chuỗi giá trị thống nhất chung toàn VICEM.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy chế trả lương, thi đua, khen thưởng và các quy định khác liên quan đến chế độ chính sách của người lao động;

- Đảm bảo 100% lao động của Công ty có việc làm ổn định với mức tiền lương năm 2016 cao hơn mức tiền lương năm 2015.

- Đảm bảo tốt điều kiện làm việc, sinh hoạt và các chế độ liên quan đến người lao động như chế độ tiền lương, BHXH, chế độ ốm đau, thai sản, chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động, chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật... vv.

- Thực hiện tốt công tác vì cộng đồng, công tác từ thiện, nhân đạo góp phần thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về công tác an sinh xã hội.

- Duy trì, đẩy mạnh phong trào thi đua, động viên toàn thể CBCNV khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu năm 2016./.

- Giữ vững thị phần thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các địa bàn có tiềm năng, tăng cường xuất khẩu.

- Đa dạng hóa sản phẩm và từng bước khẳng định thị trường cho các sản phẩm mới mang thương hiệu Hoàng. Mai Tiếp tục công tác nghiên cứu và đầu tư để thực hiện Chiến lược phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) để đảm bảo vận hành Nhà máy xi măng Hoàng Mai an toàn, ổn định và hiệu quả.

Tiếp tục cải tiến, hợp lý hóa sản xuất, bảo dưỡng tiếp cận theo hướng bảo dưỡng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.

- Theo dõi, đánh giá và kiểm soát các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Vicem Hoàng Mai nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

- Ổn định chất lượng xi măng rời với mác xi măng  $49 \pm 1$  N; duy trì màu sắc truyền thống của xi măng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy trình, quy phạm trong vận hành và sửa chữa thiết bị, không để xảy ra mất an toàn cho người và thiết bị.

- Phân đầu thực hiện tốt các định mức tiêu hao trong sản xuất; tăng cường kiểm soát vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào để giảm tồn kho hàng hóa đến mức hợp lý nhất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, giảm tối đa các định mức tiêu hao trong sản xuất các sản phẩm khác như đá xây dựng, gạch block, bê tông thương phẩm để nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh các sản phẩm ngoài xi măng và clinker.

- Nghiên cứu và triển khai có hiệu quả các đề tài khoa học như đá vôi và thay thế phụ gia xi măng, đưa chất trợ nghiền vào xi măng để tăng năng suất và chất lượng xi măng, giảm tỉ lệ pha CLK trong các loại sản phẩm xi măng. Sấy lò bằng than...

- Tiếp tục đưa ra các đề tài sáng kiến mới có hiệu quả cho sản xuất

- Đồng hành cùng khách hàng, nắm bắt các mong muốn, băn khoăn của khách hàng để có những đáp ứng thỏa đáng vì mối quan hệ lâu dài và sự gắn kết cùng chiến thắng.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình chăm sóc trực tiếp Nhà phân phối, cửa hàng VLXD: Chính sách khuyến mại, hỗ trợ tiếp thị công trình, dự án, tổ chức các chương trình tri ân khách hàng... Cải thiện các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hậu mãi...

- Tiếp tục tái cơ cấu hệ thống phân phối tại Nghệ An theo hướng tăng năng lực của các Nhà phân phối mạnh, cắt giảm các Nhà phân phối yếu kém nhằm hạn chế cạnh tranh nội bộ, ổn định mạng lưới cửa hàng lớn, cửa hàng cấp 2, 3.

- Giải quyết thỏa đáng các khiếu nại của khách hàng.

- Triển khai các khóa đào tạo nâng cao về nghiệp vụ kế toán, thuế và kỹ năng bán hàng cho nhân viên thị trường Công ty và các Nhà phân phối.

- Bổ sung kiến thức xi măng, bê tông, kiến thức marketing cho các nhân viên thị trường.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện ngân sách của Công ty, các đơn vị trong Công ty.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý tài chính, quản lý chi tiêu, quản lý chặt chẽ công nợ bán hàng để không có nợ xấu.

- Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả đồng vốn để tăng hiệu quả hoạt động tài chính.

- Dựa trên các chỉ tiêu ngân sách năm 2016 để tổ chức hội nghị đánh giá, phân tích hiệu quả kinh tế ngay từ đầu năm để các đơn vị trong công ty triển khai thực hiện một cách có hiệu quả các chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường các biện pháp quản lý trong mua sắm, chi tiêu, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Tiếp tục rà soát tồn kho, tăng cường sử dụng vật tư phụ tùng sẵn có, giảm chi tiêu mua sắm, chỉ mua sắm khi có nhu cầu thật sự cần thiết, cấp bách. Về đầu tư xây dựng nội bộ, Công ty chỉ thực hiện những nội dung công việc thực sự cần thiết, cấp bách phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ người lao động ở tất cả các lĩnh vực thông qua việc triển khai các khóa đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, đào tạo ngắn hạn, đào tạo dài hạn.

- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trong công ty. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, xây dựng văn hóa công ty.

\* Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chính năm 2016

- Doanh thu thuần	: 1.740.760 triệu đồng
- Giá vốn	: 1.666.173 triệu đồng
- Lợi nhuận gộp	: 277.410 triệu đồng
- Chi phí quản lý	: 94.158 triệu đồng
- Chi phí bán hàng	: 79.044 triệu đồng
- Chi phí tài chính	: 29.803 triệu đồng
- Ebitda	: 229.619 triệu đồng
- Ebitda/Sản lượng tiêu thụ	: 128.999 đồng/tấn
- Lợi nhuận trước thuế	: 74.587 triệu đồng
- Nộp ngân sách	: 9.197 triệu đồng

\* Đầu tư:

Hoàn thiện các thủ tục cấp phép mỏ, đền bù, triển khai công tác thiết kế, thi công, khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 3 trong quý I/2016, đáp ứng nguyên liệu đá vôi cho sản xuất xi măng.

Chuẩn bị các điều kiện để triển khai khởi công trạm nghiền xi măng tại Khu Đông Hồi; Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án lắp đặt đường ống nước từ các trạm giếng khoan về nhà máy, dự án sửa chữa tháp trao đổi nhiệt và Dự án khoan, thăm dò trữ lượng mỏ tại Tân Thắng phục vụ nguyên liệu cho dây chuyền SX xi măng số 2.

Tiếp tục thực hiện các nội dung công việc liên quan đến công tác đầu tư xây dựng các dự án “Xi măng Hoàng Mai 2; hoàn thành đền bù giải phóng mặt bằng giai đoạn 3, chuẩn bị đầu tư hạng mục công trình “Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện”;.... Tập trung thực hiện sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên các hạng mục khác.

### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

- Ý kiến của Kiểm toán tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty là ý kiến chấp thuận toàn phần, Ban Giám đốc không giải trình đối với ý kiến kiểm toán.

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2015, mặc dù Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức, cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt, thị trường xi măng cung vượt cầu; đặc biệt trong những giá vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào cho sản xuất đều tăng, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, Vicem Hoàng Mai đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ thông qua.

#### **Những kết quả đạt được:**

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh, trong năm 2015, Công ty đã chủ động đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm, qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của TCT, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối Vicem Hoàng Mai đã xây dựng. Các Nhà phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2015, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý theo mô hình ma trận mở, bảo đảm thực hiện tốt quy chế dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đồng bộ trong chỉ đạo điều hành của Công ty, trên nguyên tắc tập dân chủ. Công ty triển khai thực hiện đề án xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả.

Việc thu hồi công nợ xi măng, clinker cuối năm được thực hiện tốt, vượt kế hoạch đặt ra.

Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới là xi măng xây trát cao cấp C91 giá rẻ, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.



Nắm bắt kịp thời những thông tin về thị trường ở tất cả các địa bàn, trên cơ sở đó kịp thời đề xuất cơ chế giá bán, khuyến mại linh hoạt để phối hợp với các đơn vị trong Tổng công ty kích thích các nhà phân phối, các dự án, đại lý bán lẻ... tăng sản lượng tiêu thụ.

Chất lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên được nâng cao, phù hợp với yêu cầu công việc.

### **Những tồn tại hạn chế cần khắc phục**

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá Công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau:

Hiệu quả và tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm mới của Công ty năm 2015 chưa đóng góp lợi nhuận như kỳ vọng. Với tình hình lợi nhuận từ kinh doanh sản phẩm mới không thuận lợi, áp lực và yêu cầu hiệu quả trong mảng kinh doanh các sản phẩm mới càng cao và đòi hỏi nỗ lực hơn nữa của các Xí nghiệp trực thuộc và bộ phận quản lý.

Cần rà soát, đánh giá hệ thống nhà phân phối để có phương thức quản lý, điều chỉnh phù hợp với bối cảnh mới.

Công ty phải tăng cường quyết liệt các giải pháp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành hiệu quả nhất có thể.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Năm 2016 được dự báo sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2015. Tuy nhiên thực tế nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, thị trường Bất động sản đóng băng vẫn tiếp tục là những khó khăn cần đối mặt. Năm 2016 cũng sẽ là năm thực sự thách thức đối với Vicem Hoàng Mai khi thị trường Xi măng trong nước dư thừa nguồn cung, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt và quyết liệt.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ, đặc điểm của Công ty;

Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc

tuân và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Thảo luận và đưa ra phương hướng, nhiệm vụ giải quyết tốt những vấn đề quan trọng, cốt yếu trong các cuộc họp;

Tuân thủ theo đúng trình tự biểu quyết và khi quyết định những vấn đề quan trọng đều đạt được sự nhất trí tối đa.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật; hệ thống quản lý và hoạch định nguồn Công ty đã được áp dụng theo tiêu chuẩn, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối.

### *3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trước những khó khăn thách thức đó, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao năm 2016, với kế hoạch, định hướng sau:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành Nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

- Chỉ đạo triển khai đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy.

- Chỉ đạo công tác kinh doanh hiệu quả, đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu sản lượng và hiệu quả của công tác kinh doanh các sản phẩm mới.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: công tác cán bộ, giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất, quản lý điều hành kinh doanh, quản lý chi phí, quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát, thực hành tiết kiệm chống lãng phí...

- Hoàn thiện và áp dụng các mô hình quản lý sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng,

quản trị tiên tiến trên thế giới nhằm giảm thiểu rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp; Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, quy trình, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Vicem Hoàng Mai cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc theo định hướng và kế hoạch đã đề ra; Chỉ đạo rà soát, cập nhật và hoàn thiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch 5 năm và chiến lược phát triển của Công ty, các xí nghiệp

- Chỉ đạo đẩy mạnh công tác đầu tư phát triển, trong đó tập trung vào các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất xi măng và sản phẩm sau xi măng.

- Hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ..

- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Giữ vững những thành quả đã đạt được trong năm 2015, phát huy thế mạnh của Công ty, bám sát chiến lược phát triển trên cơ sở khả năng huy động máy móc thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, Công ty CP XM Vicem Hoàng Mai đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Kế hoạch
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT</b>				
1	Clinker	Tấn	1.329.000	1.310.000	100,2%
2	Xi măng	Tấn	1.663.000	1.720.000	124,5%
1	Gạch block	Triệu viên	10,1	12	115,4%
2	Đá VLXD	M <sup>3</sup>	316.067	240.000	76%
3	Bê tông	M <sup>3</sup>	32.772	35.000	100,7%
<b>B</b>	<b>TIÊU THỤ</b>				
1	Clinker	Tấn	20.890	60.000	
2	Xi măng	Tấn	1.716.000	1.720.000	120,6%
3	Gạch	Triệu viên	9,7	12	123,7%
4	Đá	M <sup>3</sup>	285.754	240.000	84%
5	Bê tông	M <sup>3</sup>	32.985	33.000	100%
<b>C</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>				
1	Đầu tư xây dựng	Tỷ đồng	14,9	79,407	532%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,770	1.740	112%
3	Lợi nhuận Trước thuế	Tỷ đồng	73,2	74,5	156,7%
4	EBITDA	Tỷ đồng	231,5	229,6	120%
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	69,5	79,2	118%
6	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	114,	114	120%

**V. Quản trị công ty****1. Hội đồng quản trị:** Thành phần HĐQT gồm 07 thành viên

- Ông **Tạ Quang Bửu**, Chủ tịch HĐQT – không tham gia điều hành;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 16.891.800 CP  
Trong đó: Đại diện: 16.891.800 CP  
Cá nhân: 0 CP
- Ông **Dương Đình Hội**, UV HĐQT – Tổng Giám đốc điều hành;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 14.400.000 CP;  
Trong đó: Đại diện: 14.400.000 CP  
Cá nhân: 0 CP
- Ông **Nguyễn Công Hoà**, UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.965.000 CP  
Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP  
Cá nhân: 5.000 CP
- Ông **Nguyễn Quốc Việt**, UV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.965.200 CP  
Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP  
Cá nhân: 5.200 CP
- Ông **Đậu Phi Tuấn**, UV HĐQT;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.971.500 CP  
Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP  
Cá nhân: 11.500 CP
- Ông **Vũ Thế Hà**, UV HĐQT – không tham gia điều hành, được bổ nhiệm từ ngày 23/04/2014;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.960.000 CP  
Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP  
Cá nhân: 0 CP
- Ông **Trần Đức Danh**, UV HĐQT – không tham gia điều hành, được bổ nhiệm từ ngày 03/11/2014;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP  
Trong đó: Đại diện: 0CP  
Cá nhân: 0 CP

**a. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ

đồng, trong năm 2015, HĐQT với 07 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT; Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Phê duyệt và điều chỉnh các bộ định mức kinh tế kỹ thuật.

Giải quyết các vướng mắc về tổ chức, đầu tư ... thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chuẩn bị các nội dung về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty báo cáo Đại hội cổ đông về kết quả thực hiện Nghị quyết.

Năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành 08 cuộc họp trực tiếp và 03 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các Quyết nghị. Căn cứ các nghị quyết đã thông qua, Hội đồng quản trị đã ban hành 45 quyết định trong năm 2015 định liên quan đến công tác đầu tư, công tác tổ chức và những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong các cuộc họp trực tiếp Hội đồng quản trị đã bàn thảo các vấn đề chính như:

+ Kiểm điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015, đề ra mục tiêu ngân sách năm 2016. Để chỉ đạo ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015, hàng quý Hội đồng quản trị họp kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của quý trước để đánh giá những mặt đã làm được, làm tốt và những mặt chưa làm được, những mặt còn hạn chế để từ đó đề ra giải pháp khắc phục, định hướng cho kế

hoạch sản xuất kinh doanh quý sau;

- + Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2015;
- + Tổ chức lại bộ máy của Công ty từ 22 đơn vị trực thuộc thành cơ cấu tổ chức bộ máy mới có 18 đơn vị trực thuộc;
- + Thông qua các chủ trương và triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng như: Dự án khu đô thị xi măng Hoàng Mai; Thăm dò nâng cấp trữ lượng và cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B; Dự án Nhà lưu trữ tài liệu ...
- + Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế: Quy chế mua sắm hàng hóa, quy chế thưởng tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quy trình nhập xuất vật tư, hàng hóa.
- + Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không tham gia điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị Vũ Thế Hà được bổ nhiệm ngày 23/04/2014, Trần Đức Danh được bổ nhiệm ngày 03/11/2014 hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban.

f. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Do Ủy ban Chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức các khóa đào tạo quản trị Công ty còn hạn chế, chưa phổ cập rộng rãi nên đến nay các thành viên Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa có điều kiện tham gia chương trình đào tạo về quản trị Công ty và chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

2. Ban Kiểm soát: Thành phần Ban kiểm soát gồm 05 thành viên

- Ông Trần Trung Tại, Trưởng ban – không tham gia điều hành;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 3.960.000 CP  
Trong đó: Đại diện: 3.960.000 CP  
Cá nhân: 0 CP
- Ông Nguyễn Hữu Thất, Thành viên – PGĐ XN bê tông ;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết : 0 CP

Trong đó: Đại diện: 0 CP  
Cá nhân: 0 CP

- Ông Lê Văn Chiên, Thành viên – Phó phòng Kỹ thuật nghiên cứu và triển khai;

Số cổ phần có quyền biểu quyết: 2.700 CP  
Trong đó: Đại diện: 0 CP  
Cá nhân: 2.700 CP

- Ông Nguyễn Xuân Tú, Thành viên – Không tham gia điều hành;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP  
Trong đó: Đại diện: 0 CP  
Cá nhân: 0 CP

- Bà Thái Thị Thu Hương, Thành viên – chuyên viên Phòng Tổ chức;  
Số cổ phần có quyền biểu quyết: 0 CP  
Trong đó: Đại diện: 0 CP  
Cá nhân: 0 CP

**\* Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Năm 2015, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành 02 cuộc họp trực tiếp và 05 cuộc họp không trực tiếp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong hoạt động của Hội đồng quản trị; việc thực hiện các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành của Ban Giám đốc Công ty.

Trong năm 2015 các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch của ĐHĐCĐ. Ban Kiểm Soát đã đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm sát tập trung: Kiểm tra giám sát bảo toàn vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện chấp hành điều lệ, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định, chỉ thị của Tổng Công ty đối với Vicem Hoàng Mai.

***Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát:***

\* Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị:

HDQT đã thực hiện nghiêm túc công tác nhân sự - đào tạo, tiền lương: Công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh

công việc.

HDQT đã tiến hành họp định kỳ, ra quyết nghị và ban hành, sửa đổi bổ sung một số Quy chế, giao kế hoạch cho từng đơn vị, hoạt động kinh doanh hiệu quả; xây dựng hệ thống phân phối, đại lý, tạo nên kênh phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

\* Đánh giá việc điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2015, Ban điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và quy định của luật pháp; phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Về tổ chức bộ máy và nhân sự: Công ty đã hoàn thiện sơ đồ tổ chức, mô tả chức danh công việc, xây dựng khung năng lực, xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả công việc KPI. rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các Phòng Ban Xưởng. Công ty luôn tuân thủ các quy định quản lý cán bộ, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc dựa trên năng lực thành tích cá nhân; thường xuyên rà soát, cập nhật hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc. Đã rà soát các quy định chế độ chính sách nhằm ban hành các quy chế tiền lương, tiền thưởng và thu nhập của CBCNV thể hiện sự quan tâm đến lợi ích của người lao động trên khuôn khổ của luật pháp quy định.

- Về công tác triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản: Hầu hết các dự án trong năm 2015 được thực hiện triển khai theo kế hoạch như hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng các hạng mục: “Nhà lưu trữ tài liệu”, Hệ thống kết cấu tro bay trung gian và cân định lượng”, “Xây dựng cơ bản bổ sung mỏ Hoàng Nai B giai đoạn 3”, Ngoài ra cũng còn một vài dự án chậm tiến độ : Hạng mục Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, dự án đường ống cấp nước từ giếng khoan vào nhà máy....

- Về công tác kế toán tài chính: Báo cáo tài chính của Vicem Hoàng Mai được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst&Young Việt Nam đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Vicem Hoàng Mai đã tuân thủ các quy định quản lý vốn, quản lý tài chính, tối đa hóa lợi ích dòng tiền.

- Về hoạt động sản xuất, kinh doanh: Năm 2015, Vicem Hoàng Mai duy trì vận hành ổn định, sản xuất đạt sản lượng vượt kế hoạch. Chính sách bán hàng linh động, hệ thống nhà phân phối được kiện toàn, tăng cường chăm sóc khách hàng, nâng cao vai trò của cán bộ thị trường, xi măng Hoàng Mai đã xác định đúng thị



trường mục tiêu, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015. Tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Công ty vẫn đang áp dụng mức thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thành lập ngày 03/03/2008. Chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao (VND/ng/th)	Tháng công tác	Giá trị (VND)
1	Tạ Quang Bửu	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	10	60.000.000
2	Dương Đình Hội	Ủy viên HĐQT	5.000.000	10	50.000.000
3	Dương Đình Hội	Điều hành HĐQT	6.000.000	02	12.000.000
4	Nguyễn Công Hoà	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
5	Nguyễn Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
6	Đậu Phi Tuấn	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
8	Vũ Thế Hà	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
9	Trần Đức Danh	Ủy viên HĐQT	5.000.000	12	60.000.000
10	Trần Trung Tại	Trưởng BKS	5.000.000	12	60.000.000
11	Nguyễn Hữu Thất	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
14	Lê Văn Chiên	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
15	Nguyễn Xuân Tú	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
16	Thái Thị Thu Hương	Thành viên BKS	4.000.000	12	48.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>684.000.000</b>

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2015 không phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty niêm yết.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### *1. Ý kiến kiểm toán*

Số tham chiếu: 60862266/17724178

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế

các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3292  
CÔNG TY  
VICEM  
HOÀNG MAI  
T. N

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>613.582.846.267</b>	<b>612.545.474.642</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>202.911.783.237</b>	<b>117.862.497.940</b>
111	1. Tiền		93.411.783.237	117.862.497.940
112	2. Các khoản tương đương tiền		109.500.000.000	-
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>174.337.962.325</b>	<b>144.639.662.024</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	165.512.650.985	58.613.601.727
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	6.815.168.843	60.943.725.436
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	24.893.200.937
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.466.524.057	3.249.808.956
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 5.2,6	(4.456.381.560)	(3.060.675.032)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>234.714.112.656</b>	<b>342.931.851.412</b>
141	1. Hàng tồn kho		245.330.880.883	345.606.563.591
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.616.768.227)	(2.674.712.179)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.618.988.049</b>	<b>7.111.463.266</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.262.297.403	1.545.383.973
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		334.983.744	673.796.924
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.706.902	4.892.282.369
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.249.153.910.452</b>	<b>1.243.215.123.490</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>889.981.134</b>	<b>851.490.209</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	889.981.134	851.490.209
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.083.886.896.970</b>	<b>1.168.727.946.125</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.083.278.076.937	1.167.948.603.532
222	Nguyên giá		2.822.071.588.710	2.798.890.648.510
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.738.793.511.773)	(1.630.942.044.978)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	608.820.033	779.342.593
228	Nguyên giá		1.619.153.370	1.511.153.370
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.010.333.337)	(731.810.777)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>22.223.904.138</b>	<b>23.827.643.209</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	22.223.904.138	23.827.643.209
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>142.153.128.210</b>	<b>49.808.043.947</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	41.585.608.418	49.808.043.947
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	7	100.567.519.792	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.862.736.756.719</b>	<b>1.855.760.598.132</b>

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>940.236.737.427</b>	<b>967.304.542.876</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>906.464.299.094</b>	<b>831.831.976.813</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	196.664.093.546	127.675.974.745
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	23.627.285.989	21.756.308.887
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.561.955.197	3.514.728.457
314	4. Phải trả người lao động		36.679.741.738	19.647.282.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	20.000.973.956	25.720.023.095
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	8.983.559.700	8.776.887.635
320	7. Vay ngắn hạn	17	604.904.262.726	622.881.412.177
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	18	6.042.426.242	1.859.359.228
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>33.772.438.333</b>	<b>135.472.566.063</b>
338	1. Vay dài hạn	17	8.526.760.538	114.239.930.632
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	24.661.268.495	20.673.635.231
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		584.409.300	559.000.200
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>922.500.019.292</b>	<b>888.456.055.256</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>922.500.019.292</b>	<b>888.456.055.256</b>
411	1. Vốn cổ phần		720.000.000.000	720.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		720.000.000.000	720.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		19.138.086.811	19.138.086.811
415	3. Cổ phiếu quỹ		(28.199.462.462)	(28.199.462.462)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		148.837.652.393	135.837.652.393
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.723.742.550	41.679.778.514
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(1.453.757.319)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		62.723.742.550	43.133.535.833
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.862.736.756.719</b>	<b>1.855.760.598.132</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2015**

*Đơn vị tính: VND*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	1.770.252.585.877	1.745.708.192.357
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	1.770.252.585.877	1.745.708.192.357
11	4. Giá vốn hàng bán	21	(1.465.947.276.959)	(1.461.140.357.771)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		304.305.308.918	284.567.834.586
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	3.962.114.990	2.205.815.452
22	7. Chi phí tài chính	22	(37.482.510.407)	(53.144.438.845)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(35.482.015.237)</i>	<i>(48.504.482.384)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	23	(91.012.675.184)	(97.818.068.639)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(103.566.131.695)	(92.766.719.034)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.206.106.622	43.044.423.520
31	11. Thu nhập khác	24	2.023.500.853	4.080.913.555
32	12. Chi phí khác	24	(4.976.536.870)	(1.512.596.544)
40	13. Lợi nhuận khác	24	(2.953.036.017)	2.568.317.011
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		73.253.070.605	45.612.740.531
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(6.541.694.791)	(2.472.016.419)
51	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(3.987.633.264)	(7.188.279)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		62.723.742.550	43.133.535.833
70	18. Lãi trên cổ phiếu	28		
	- Lãi cơ bản		906	509
	- Lãi suy giảm		906	509

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>73.253.070.605</b>	<b>45.612.740.531</b>
01	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ")		123.070.875.624	121.788.664.155
03	Các khoản dự phòng		9.337.762.576	522.364.574
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		754.373.315	177.345.709
05	Lãi/(lãi)từ hoạt động đầu tư		437.353.732	(2.203.864.028)
06	Chi phí lãi vay		35.482.015.237	48.504.482.384
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>242.335.451.089</b>	<b>214.401.733.325</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(50.716.131.188)	7.316.367.547
10	Giảm hàng tồn kho		(291.837.084)	(16.385.268.243)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		74.522.859.557	(46.575.325.700)
12	Giảm chi phí trả trước		8.505.522.099	6.486.711.697
14	Tiền lãi vay đã trả		(45.954.247.465)	(52.638.625.859)
15	Thuế thu nhập DN đã nộp	26.2	(4.950.190.165)	(1.517.949.069)
16	Tiền thu khác từ hoạt động KD		-	1.505.304.551
17	Tiền chi khác cho hoạt động KD		(3.766.622.425)	(5.448.482.955)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>219.684.804.418</b>	<b>107.144.465.294</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(18.598.530.184)	(33.687.188.032)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		230.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, ủy thác đầu tư		(33.200.000.000)	(39.695.955.237)
24	Tiền thu hồi cho vay		58.093.200.937	19.667.928.950
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay		3.894.304.702	2.230.646.848
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng) vào hoạt động đầu tư</b>		<b>10.418.975.455</b>	<b>(51.484.567.471)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.514.259.170.473	1.634.770.653.599
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.638.729.154.841)	(1.771.827.816.338)
36	Cổ tức đã trả		(20.590.632.565)	(10.166.830.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(145.060.616.933)</b>	<b>(147.223.992.739)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>85.043.162.940</b>	<b>(91.564.094.916)</b>
60	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>117.862.497.940</b>	<b>209.424.641.432</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.122.357	1.951.424
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>202.911.783.237</b>	<b>117.862.497.940</b>

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai (“Công ty”), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 vào ngày 11 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất, kinh doanh xi măng, clinker;
- ▶ Mua bán xi măng, clinker, thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp;
- ▶ Khai thác, chế biến khoáng sản;
- ▶ Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 980 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 995 người).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và



► Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## **2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

## **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

## **2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

# **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

## **3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp như được trình bày dưới đây.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo



Thông tư 200 trong báo cáo tài chính này như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

### **3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	5-20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8-10 năm
Trang thiết bị văn phòng	5-10 năm
Phần mềm máy tính	3-5 năm

### **3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

### **3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

### **3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **► Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

#### **► Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

### **3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### **3.14 Thuế**

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi

thăng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	498.679.877	583.927.934
Tiền gửi ngân hàng	92.913.103.360	117.278.570.006
Các khoản tương đương tiền (*)	109.500.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.911.783.237</b>	<b>117.862.497.940</b>

(\*) Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại ngân hàng thương mại và được hưởng lãi suất là từ 4,8% đến 5,5%/năm.



**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	165.512.650.985	57.956.440.877
- Công ty TNHH Thành Luân	150.726.300.174	46.402.649.093
- Phải thu các khách hàng khác	14.786.350.811	11.553.791.784
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	657.160.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>165.512.650.985</b>	<b>58.613.601.727</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.705.675.032)	(2.705.675.032)

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.801.888.843	56.651.861.636
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Khoáng sản Thiên Sơn	-	2.550.285.818
- Công ty TNHH Thăng Long Vina	-	13.926.803.020
- Công ty TNHH SIAM VINA	-	8.390.929.655
- Công ty TNHH Hệ thống Điện Công nghiệp	-	11.253.907.016
- Trả trước cho người bán khác	6.801.888.843	20.529.936.127
Trả trước cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 27)	13.280.000	4.291.863.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.815.168.843</b>	<b>60.943.725.436</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.395.706.528)	-

## 6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Phân loại lại)</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	2.809.614.193	1.473.416.520
Chovay (*)	355.000.000	355.000.000
Phải thu tiền đầu	159.597.457	299.094.057
Tiền lãi phải thu	135.192.611	73.504.680
Các khoản phải thu khác	3.007.119.796	1.048.793.699
	<b>6.466.524.057</b>	<b>3.249.808.956</b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	889.981.134	851.490.209
	<b>889.981.134</b>	<b>851.490.209</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.356.505.191</b>	<b>4.101.299.165</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	7.308.098.510	4.018.890.992
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	48.406.681	82.408.173
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(355.000.000)	(355.000.000)

(\*) Đây là khoản cho Công ty TNHH Phú Cường Nha Trang vay từ cuối năm 2011 và đến hạn thanh toán lãi và gốc vào cuối năm 2012. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu này.

## 7. HÀNG TỒN KHO

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Nguyên liệu, nhiên liệu	38.975.866.220	(1.908.198.727)	46.194.717.112	(1.032.552.443)
Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ	112.662.502.688	(8.708.569.500)	240.243.276.231	(1.642.159.736)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71.311.551.695	-	37.772.732.262	-
Thành phẩm	22.380.960.280	-	21.395.837.986	-
	<b>245.330.880.883</b>	<b>(10.616.768.227)</b>	<b>345.606.563.591</b>	<b>(2.674.712.179)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	100.567.519.792	-	-	-
	<b>100.567.519.792</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>345.898.400.675</b>	<b>(10.616.768.227)</b>	<b>345.606.563.591</b>	<b>(2.674.712.179)</b>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.674.712.179	2.674.712.179
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	8.357.666.754	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	415.610.706	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.616.768.227</b>	<b>2.674.712.179</b>

## 8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí bảo hiểm	1.262.297.403	1.478.955.563
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	66.428.410
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.262.297.403</b>	<b>1.545.383.973</b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	724.572.703.524	2.026.002.680.832	40.715.481.810	7.599.782.344	2.798.890.648.510
- Mua trong năm	-	28.682.413.605	2.630.700.000	2.465.849.546	33.778.963.151
- Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	8.966.209.683	-	-	-	8.966.209.683
- Thanh lý	(68.112.169)	(1.009.593.726)	(5.146.416.207)	(355.205.187)	(6.579.327.289)
- Giảm khác (*)	-	(12.984.905.345)	-	-	(12.984.905.345)
Số dư cuối năm	<u>733.470.801.038</u>	<u>2.040.690.595.366</u>	<u>38.199.765.603</u>	<u>9.710.426.703</u>	<u>2.822.071.588.710</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	360.867.730	76.473.333.370	16.146.416.207	923.049.157	93.903.666.464
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	238.589.668.447	1.361.304.985.758	29.283.477.725	1.763.913.048	1.630.942.044.978
- Khấu hao trong năm	27.756.503.953	91.191.420.722	2.561.129.748	1.283.298.641	122.792.353.064
- Thanh lý	(52.249.491)	(713.746.855)	(5.146.416.207)	(355.205.187)	(6.267.617.740)
- Giảm khác (*)	-	(8.673.268.529)	-	-	(8.673.268.529)
Số dư cuối năm	<u>266.293.922.909</u>	<u>1.443.109.391.096</u>	<u>26.698.191.266</u>	<u>2.692.006.502</u>	<u>1.738.793.511.773</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	<u>485.983.035.077</u>	<u>664.697.695.074</u>	<u>11.432.004.085</u>	<u>5.835.869.296</u>	<u>1.167.948.603.532</u>
Số dư cuối năm	<u>467.176.878.129</u>	<u>597.581.204.270</u>	<u>11.501.574.337</u>	<u>7.018.420.201</u>	<u>1.083.278.076.937</u>

(\*) Khoản giảm khác trong năm là cân than cũ đã được tháo dỡ, nhập kho phụ tùng và được thay thế bởi cân than mới.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 17).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>		
Số dư đầu năm		1.511.153.370
Tăng trong năm		<u>108.000.000</u>
Số dư cuối năm		<u>1.619.153.370</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã hao mòn hết</i>		276.929.770
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Số dư đầu năm		731.810.777
Hao mòn trong năm		<u>278.522.560</u>
Số dư cuối năm		<u>1.010.333.337</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số dư đầu năm		<u>779.342.593</u>
Số dư cuối năm		<u>608.820.033</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị phần mềm máy tính đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 18).

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Hoàng Mai II		14.172.667.931	10.998.163.385
Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III		2.922.732.367	3.378.402.367
Dây chuyền sản xuất tro bay		1.546.912.420	2.445.437.615
Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai		1.352.902.250	1.352.902.250
Tổ hợp nhà thương mại Vinh		707.528.924	707.528.924
Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh		495.060.000	495.060.000
Dây chuyền sản xuất đá vật liệu xây dựng		-	3.583.864.663
Các công trình khác		1.026.100.246	866.284.005
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>22.223.904.138</u></b>	<b><u>23.827.643.209</u></b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (*)		15.004.131.976	25.214.052.287
Chi phí sửa chữa lớn tài sản chờ phân bổ		26.003.047.854	22.598.318.443
Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ		-	549.603.771
Chi phí trả trước dài hạn khác		<u>578.428.588</u>	<u>1.446.069.446</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>41.585.608.418</u></b>	<b><u>49.808.043.947</u></b>



(\*) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 19.1).

Trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty phân bổ giá trị thương hiệu nói trên vào chi phí hàng năm trong thời gian là 20 năm. Trong năm 2011, Công ty đã ngừng phân bổ giá trị thương hiệu. Sau đó, Công ty tiếp tục phân bổ giá trị còn lại của giá trị thương hiệu này trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Trong năm 2014, Công ty tiến hành phân bổ lại giá trị còn lại của giá trị thương hiệu trong vòng 10 năm kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2008 dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

#### 13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Số dư</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	83.302.824.976	83.302.824.976	45.186.199.028	45.186.199.028
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	113.361.268.570	113.361.268.570	82.489.775.717	82.489.775.717
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>196.664.093.546</b>	<b>196.664.093.546</b>	<b>127.675.974.745</b>	<b>127.675.974.745</b>

#### 13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.627.285.989	21.728.718.887
<i>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung</i>	3.722.884.283	5.191.573.949
<i>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Việt Hải</i>	6.476.387.384	4.292.795.894
<i>Công ty TNHH Trường An</i>	6.877.143.254	4.630.933.604
<i>Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình</i>	2.711.641.253	2.849.944.156
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	3.839.229.815	4.763.471.284
Các bên liên quan trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 27)	-	27.590.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.627.285.989</b>	<b>21.756.308.887</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/ bù trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	43.982.456.575	43.982.456.575	-
Thuế thu nhập DN (Thuyết minh 26.2)	527.933.268	6.541.694.791	4.950.190.165	2.119.437.894
Thuế thu nhập cá nhân	19.913.341	615.224.571	619.839.753	15.298.159
Thuế tài nguyên	680.318.611	13.457.999.804	9.136.231.800	5.002.086.615
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*)	2.209.912.000	2.210.712.000	2.681.334.000	1.739.290.000
Tiền thuê đất	-	4.384.174.271	4.368.279.196	15.895.075
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	76.651.237	9.936.231.406	9.342.935.189	669.947.454
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.514.728.457</b>	<b>81.128.493.418</b>	<b>75.081.266.678</b>	<b>9.561.955.197</b>

(\*) Đây là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được Công ty trích trước theo Quyết định số 92/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 1 năm 2015 và Quyết định số 3022/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi và mỏ sét đang được Công ty khai thác.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Phân loại lại)</i>
Chi phí lãi vay phải trả	467.797.179	10.940.029.407
Chi phí tiền điện	4.074.075.332	3.224.803.678
Chi phí nhân công sửa chữa lớn	2.033.026.400	-
Phí thăm dò nâng cấp tài nguyên mỏ đá vôi Hoàng Mai B	1.985.557.273	-
Chi phí hỗ trợ tiêu thụ	1.851.050.370	2.292.030.951
Phí lắp đặt cân than	1.390.542.500	-
Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm	1.945.062.379	1.865.992.234
Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả	420.856.062	1.393.132.942
Chi phí thưởng cho nhân viên	-	4.500.000.000
Chi phí phải trả khác	5.833.006.461	1.504.033.883
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.000.973.956</b>	<b>25.720.023.095</b>

## 16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.352.328.585	2.174.381.150
Phải trả các thành viên góp vốn vào Ban quản lý Dự án Khu Đô thị Vicem Hoàng Mai	2.572.139.200	2.572.139.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.381.836.003	129.471.252
Phải trả bảo hiểm xã hội thị xã Hoàng Mai	-	637.309.377
Thuế giá trị gia tăng phải nộp theo Biên bản thanh tra của Thanh tra Chính phủ	888.102.746	888.102.746
Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quỹ vì người nghèo"	768.356.453	1.049.819.453
Phụ cấp ăn ca, độc hại	519.165.000	561.725.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	501.631.713	763.939.457
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.983.559.700</b>	<b>8.776.887.635</b>



## 17. VAY

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>		<i>Trong năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	465.611.812.226	465.611.812.226	1.414.259.170.473	1.329.243.593.862	550.627.388.837	550.627.388.837
Vay dài hạn đến hạn trả	157.269.599.951	157.269.599.951	155.415.206.718	258.407.932.780	54.276.873.889	54.276.873.889
	<b>622.881.412.177</b>	<b>622.881.412.177</b>	<b>1.569.674.377.191</b>	<b>1.587.651.526.642</b>	<b>604.904.262.726</b>	<b>604.904.262.726</b>
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn	114.239.930.632	114.239.930.632	100.559.931.164	206.273.101.258	8.526.760.538	8.526.760.538
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>737.121.342.809</b>	<b>737.121.342.809</b>	<b>1.670.234.308.355</b>	<b>1.793.924.627.900</b>	<b>613.431.023.264</b>	<b>613.431.023.264</b>

### 17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015(VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất(%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	297.000.539.262	6 tháng, đáo hạn từ ngày 4 tháng 1 năm 2016 đến 24 tháng 6 năm 2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	5,3%	<ul style="list-style-type: none"> <li>▶ Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này.</li> <li>▶ Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 392,2 tỷ VND, và phần mềm máy tính với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 503,8 triệu VND</li> </ul>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Diễn	253.626.849.575	6 tháng, đáo hạn từ ngày 14 tháng 2 năm 2016 đến 30 tháng 6 năm 2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	4,2%	▶ Tài sản cố định hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 308,9 tỷ VND.
<b>Tổng cộng</b>	<b>550.627.388.837</b>			

## 17.2 Các khoản vay dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất(%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>VND</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>			
Quỹ hỗ trợ Cô-ôet Phát triển Kinh tế Ả rập (theo Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và Công ty)	12.803.634.427	568.798	168 tháng, đáo hạn ngày 10/9/2018. Tiền lãi được trả theo định kỳ 6 tháng.	4,2%	Tin chấp
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.276.873.889</i>	<i>189.999</i>			
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An	50.000.000.000		- 24 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2016. Tiền lãi được trả hàng tháng.	6,3%	Chung tài sản thế chấp là các tài sản cố định cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng này như đã trình bày trong Thuyết minh số 17.1.
<i>Trong đó: vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>50.000.000.000</i>				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.803.634.427</b>				
<i>Trong đó:</i>					
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>54.276.873.889</i>				
- <i>Vay dài hạn</i>	<i>8.526.760.538</i>				

## 18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	1.859.359.228	5.317.715.928
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 19.1)	7.911.198.514	-
Sử dụng trong năm	<u>(3.728.131.500)</u>	<u>(3.458.356.700)</u>
Số dư cuối năm	<u><b>6.042.426.242</b></u>	<u><b>1.859.359.228</b></u>



## 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số dư đầu năm	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	134.335.012.575	48.882.499	845.322.519.423
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	43.133.535.833	43.133.535.833
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.502.639.818	(1.502.639.818)	-
Số dư cuối năm (Phân loại lại)	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>135.837.652.393</u>	<u>41.679.778.514</u>	<u>888.456.055.256</u>
<b>Năm nay</b>						
Số dư đầu năm (Phân loại lại)	720.000.000.000	19.138.086.811	(28.199.462.462)	135.837.652.393	41.679.778.514	888.456.055.256
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	62.723.742.550	62.723.742.550
- Trả cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	-	(20.768.580.000)	(20.768.580.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(7.911.198.514)	(7.911.198.514)
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	13.000.000.000	(13.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	<u>720.000.000.000</u>	<u>19.138.086.811</u>	<u>(28.199.462.462)</u>	<u>148.837.652.393</u>	<u>62.723.742.550</u>	<u>922.500.019.292</u>

(\*) Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2015.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %	Cổ phiếu phổ thông VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	510.918.000.000	70,96	510.918.000.000	70,96
Các cổ đông khác	209.082.000.000	29,04	209.082.000.000	29,04
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**19.2 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	20.768.580.000	-
Cổ tức cho năm 2014: 300 VND /cổ phiếu	20.768.580.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12</b>		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>	-	-

**19.3 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

	Số cuối năm		Số cuối năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>72.000.000</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>720.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>72.000.000</b>	<b>720.000.000.000</b>	<b>72.000.000</b>	<b>720.000.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	72.000.000	720.000.000.000	72.000.000	720.000.000.000
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>(2.771.400)</b>	<b>(28.199.462.462)</b>	<b>(2.771.400)</b>	<b>(28.199.462.462)</b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>69.228.600</b>	<b>691.800.537.538</b>	<b>69.228.600</b>	<b>691.800.537.538</b>
Cổ phiếu phổ thông	69.228.600	691.800.537.538	69.228.600	691.800.537.538

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2014: 10.000 đồng Việt Nam).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

## 20. DOANH THU

### 20.1 Doanh thu bán hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Phân loại lại)</i>
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
Doanh thu bán xi măng và clinker	1.703.166.318.399	1.684.013.474.028
Doanh thu bán sản phẩm khác	67.086.267.478	61.694.718.329
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.770.252.585.877</b>	<b>1.745.708.192.357</b>

### 20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.919.411.133	2.203.864.028
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.122.357	1.951.424
Thu nhập tài chính khác	36.581.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.962.114.990</b>	<b>2.205.815.452</b>

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán xi măng và clinker	1.414.929.176.948	1.407.308.696.404
Giá vốn bán sản phẩm khác	51.018.100.011	53.831.661.367
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.465.947.276.959</b>	<b>1.461.140.357.771</b>

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	35.482.015.237	48.504.482.384
Chiết khấu thanh toán	1.173.210.900	1.845.069.115
Phí bảo lãnh thanh toán	-	1.643.313.333
Phí bảo lãnh	23.008.923	972.276.880
Lỗ chênh lệch tỷ giá	804.275.347	179.297.133
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.482.510.407</b>	<b>53.144.438.845</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ	17.733.475.229	33.217.963.589
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	13.117.165.883	11.816.724.905
Chi phí lợi thế thương mại	10.209.920.315	7.758.169.935
Chi phí chuyên giao bí quyết bán hàng	11.759.400.012	11.621.137.349
Chi phí hội nghị, tiếp khách	10.159.055.122	8.993.835.431
Chi phí khác	28.033.658.623	24.410.237.430
	<b>91.012.675.184</b>	<b>97.818.068.639</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương	29.328.817.146	26.794.972.156
Chi phí hội nghị, tiếp khách	13.367.359.260	10.271.954.849
Chi phí chuyên giao bí quyết doanh nghiệp	10.086.434.824	9.996.636.119
Chi phí khấu hao	8.272.321.881	7.480.097.269
Chi phí khác	42.511.198.584	38.223.058.641
	<b>103.566.131.695</b>	<b>92.766.719.34</b>

**24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>2.023.500.853</b>	<b>4.080.913.555</b>
Thu phạt hợp đồng	429.531.972	1.679.986.917
Thu từ thanh lý tài sản	230.000.000	-
Thu nhập khác	1.363.968.881	2.400.926.638
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.976.536.870</b>	<b>1.512.596.544</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định giảm trong năm	4.623.346.365	-
Chi phí khác	353.190.505	1.512.596.544
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>(2.953.036.017)</b>	<b>2.568.317.11</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Phân loại lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	793.676.697.962	771.840.612.657
Chi phí nhân công	133.737.027.891	120.476.421.123
Chi phí khấu hao và hao mòn	123.070.875.624	121.788.664.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.128.176.682	433.986.550.171
Chi phí khác	204.612.322.870	226.796.480.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.700.225.101.029</u></b>	<b><u>1.674.888.729.100</u></b>

**26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02-UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2015 là 11% và hoạt động kinh doanh khác là thuế suất phổ thông (22% trong năm 2015).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**26.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.502.415.739	2.472.016.419
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	39.279.052	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.987.633.264	7.188.279
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.529.328.055</u></b>	<b><u>2.479.204.698</u></b>

**26.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu



nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>73.253.070.605</b>	<b>45.612.740.531</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán</b>		
Các chi phí không được trừ	2.286.663.326	4.685.194.752
Chi phí khấu hao dưới mức quy định về thuế TNDN	(19.938.166.318)	(20.702.475.113)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>55.601.567.613</b>	<b>29.595.460.170</b>
<b>Lỗ lũy kế mang sang</b>	<b>-</b>	<b>(7.122.583.631)</b>
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>55.601.567.613</b>	<b>22.472.876.539</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>12.232.344.875</b>	<b>4.944.032.838</b>
Giảm 50% thuế TNDN theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho hoạt động kinh doanh chính	(5.729.929.136)	(2.472.016.419)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính sau miễn giảm và điều chỉnh</b>	<b>6.502.415.739</b>	<b>2.472.016.419</b>
<b>Thuế TNDN phải trả/(trả trước) đầu năm</b>	<b>527.933.268</b>	<b>(426.134.082)</b>
Thuế TNDN đã trả trong năm	(4.950.190.165)	(1.517.949.069)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	39.279.052	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm(Thuyết minh số 14)</b>	<b>2.119.437.894</b>	<b>527.933.268</b>

### 26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định	24.661.268.495	20.673.635.231	(3.987.633.264)	(7.188.279)
	<b>24.661.268.495</b>	<b>20.673.635.231</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(3.987.633.264)</b>	<b>(7.188.279)</b>

**27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Thuê gia công xi măng	27.925.004.353	8.717.471.887
		Mua clinker		- 18.780.472.618
		Doanh thu bán xi măng	861.909.090	-
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	68.909.041.800	92.150.180.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Thuê gia công xi măng	1.385.600.000	-
		Mua xi măng rời	21.082.173.455	15.274.866.325
XNSX Vỏ bao xi măng Đà Nẵng - CNCTCP Vicem VLXD Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	35.138.444.036	35.546.595.000
		Doanh thu bán xi măng		- 5.205.731.822
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker		- 1.273.674.769
		Phí gia công và vận chuyển		- 357.281.766
		Mua cát tiêu chuẩn	175.595.455	175.524.000
Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	316.455.941.59	276.907.190.74
		Phạt vi phạm hợp đồng	156.826.784	-
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Ủy thác đầu tư	30.000.000.000	20.000.000.000
		Thu hồi ủy thác đầu tư	50.000.000.000	-
		Cho vay		- 19.695.955.237
		Thu hồi khoản cho vay	4.893.200.937	19.667.928.950
		Thu nhập lãi vay	501.805.588	2.086.420.012
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng		- 23.199.969.134
		Thuê máy phá dỡ gạch lò	148.460.896	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker		- 2.744.570.692

Hải Vân	ty mẹ	Phí gia công	-	1.231.883.201
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	32.778.000.000	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí thăm dò bổ sung mỏ sắt	25.764.000	605.766.909
		Phí lập hồ sơ dây chuyền 2	3.174.504.546	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi trả cổ tức	15.327.540.000	10.091.800.000
		Phí hệ thống làm kín lò nung bằng Graphit		- 13.644.807.507
		Mua thạch cao	37.407.988.892	43.284.383.445
			21.845.834.83	
		Phí tư vấn (*)		6 21.617.773.468
		Bán xi măng	127.654.547	449.827.272

(\*) Theo Hợp đồng số 2118/VICEM-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty các kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và kỹ năng quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm.

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty cho vay các bên liên quan, bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2014: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Ngoài các khoản cho bên liên quan vay đã được trình bày trong Thuyết minh số 6 và khoản cổ tức phải trả Công ty mẹ đã được trình bày trong Thuyết minh số 16, vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b> (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty TNHH Một thành viên Vicem Hoàng Thạch	Cùng Công ty mẹ	Phải thu tiền bán clinker	-	19.550.850
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu tiền bán xi măng	-	637.610.000
			<u>-</u>	<u>657.160.850</u>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i></b> (Thuyết minh số 5.2)				
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Trả trước tiền mua xi măng	-	1.125.717.400
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ tư vấn thăm dò mỏ đá vôi	-	3.152.866.400
Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Phạt vi phạm hợp đồng	13.280.000	13.280.000
			<u>13.280.000</u>	<u>4.291.863.800</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác</i></b> (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	1.151.201
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	7.752.292
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	-	73.504.680
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	30.025.195	-
Ban Quản lý Dự án Đông Hải	Cùng Công ty mẹ	Phải thu khác	18.381.486	-
			<u>48.406.681</u>	<u>82.408.173</u>

## 27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Mua than cám	57.628.843.984	24.184.134.988
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	2.461.016.500	3.245.454.253
Công ty TNHH Một Thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ	Chi phí quảng cáo	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Cùng Công ty mẹ	Mua clinker và phí gia công xi măng	-	2.419.286.465
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua vỏ bao xi măng	13.695.600.000	13.412.320.000
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Tiền mua thạch cao và phí quản lý	18.721.379.106	14.101.364.709
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng rời	-	7.629.430.302
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ	Tiền mua vỏ bao	10.414.495.080	15.226.160.000
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	Cùng Công ty mẹ	Tiền mua vỏ bao	8.512.020.000	-
Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí đào tạo	6.000.000	141.100.000
Công ty TNHH Một Thành viên xi măng Vicem tam Điệp	Cùng Công ty mẹ	Mua xi măng rời	1.434.448.800	-
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí tư vấn	224.687.600	-
Viện Công nghệ Xi măng	Cùng Công ty mẹ	Phí khác	132.252.500	-
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ	Phí tư vấn khảo sát địa hình	130.525.000	130.525.000
			<b>113.361.268.570</b>	<b>82.489.775.717</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	2.061.355.148	1.925.014.992
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.061.355.148</b>	<b>1.925.014.992</b>

**28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.723.742.550	43.133.535.833
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.911.198.514)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.723.742.550	35.222.337.319
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>62.723.742.550</b>	<b>35.222.337.319</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.228.600	69.228.600
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>69.228.600</b>	<b>69.228.600</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	906	509

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2014 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-DHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2015.

**29. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Mã số</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>	
			<i>Phân loại lại</i>		
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
35	Các khoản đầu tư ngắn hạn	24.893.200.937	(24.893.200.937)		-
36	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	24.893.200.937	24.893.200.937	
55	Phải thu ngắn hạn khác	1.752.442.839	1.497.366.117	3.249.808.956	
16	Tài sản ngắn hạn khác	1.497.366.117	(1.497.366.117)		-
68	Phải thu dài hạn khác	-	851.490.209	851.490.209	
15	Tài sản dài hạn khác	851.490.209	(851.490.209)		-
42	Chi phí phải trả ngắn hạn	26.279.023.295	(559.000.200)	25.720.023.095	
18	Dự phòng phải trả dài hạn	-	559.000.200	559.000.200	
1	Quỹ dự phòng tài chính	27.750.379.292	(27.750.379.292)		-
2	Quỹ đầu tư phát triển	108.087.273.101	27.750.379.292	135.837.652.393	
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
	Doanh thu bán hàng	1.804.524.339.995	(58.816.147.638)	1.745.708.192.357	
	Các khoản giảm trừ doanh thu	(58.816.147.638)	58.816.147.638		-

**30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG****Cam kết tiền thuê đất**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	3.787.384.730	3.787.384.730
Từ 1 - 5 năm	15.149.538.919	15.149.538.919
Trên 5 năm	25.050.270.210	28.837.654.940



TỔNG CỘNG

43.987.193.859

47.774.578.589

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)****Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản**

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 44,7 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

***Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường***

Căn cứ theo công văn số 4456/CV-UB.ĐC ngày 13 tháng 09 năm 2004 của UBND Tỉnh Nghệ An về việc thực hiện ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 04/TB-TNMT-MT ngày 28 tháng 1 năm 2008 về ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2 và thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 149/TB-TNMT-MT ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An về việc ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai

đoạn 1 và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, Công ty có các cam kết liên quan tới việc ký quỹ cải tạo bảo vệ môi trường đối với việc khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 tới năm 2025, mỗi năm ký quỹ 34.057.925 đồng.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 151.239.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 đến năm 2025, mỗi năm ký quỹ 4.433.000 đồng.

### 32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nghệ An, ngày tháng 03 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Đình Hội